



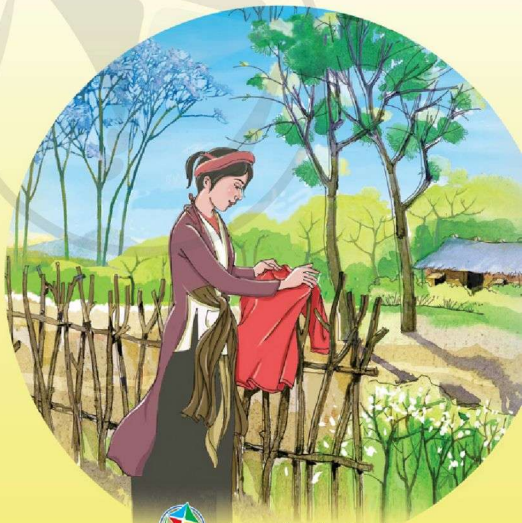
NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HƯƠNG – NGUYỄN VĂN LỘC – VŨ THANH

Ngữ văn

8

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HƯƠNG – NGUYỄN VĂN LỘC – VŨ THANH

Ngữ văn

8

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời nói đầu

Thưa quý thầy, cô!

Sách giáo viên *Ngữ văn 8* được biên soạn để hỗ trợ thầy, cô dạy tốt sách giáo khoa *Ngữ văn 8* theo đúng tinh thần đổi mới của *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* về nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

Sách gồm các nội dung chính sau đây:

Phần một giới thiệu một số thông tin tổng quát về cuốn sách như: yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* với lớp 8; cấu trúc sách, cấu trúc bài học, những điểm kế thừa và đổi mới, định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của chương trình mới.

Phần hai (trọng tâm) hướng dẫn dạy học các bài cụ thể. Phần này chủ yếu cung cấp các thông tin liên quan, giúp giáo viên soạn giáo án và chuẩn bị cho tiết dạy từng bài với đầy đủ nội dung từ *Yêu cầu cần đạt đến Tự đánh giá*. Nội dung quan trọng nhất ở phần này là gợi ý nội dung trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa và hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học. Dựa vào nội dung gợi ý này, giáo viên nên tổ chức bài dạy trên lớp theo bốn hoạt động chính:

– Tiết dạy đọc hiểu có các hoạt động: 1. Khởi động, 2. Đọc và tìm hiểu chung, 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản (trọng tâm), 4. Tổng kết.

– Tiết dạy thực hành tiếng Việt gồm các hoạt động: 1. Khởi động, 2. Làm bài tập thực hành, 3. Chốt lại kiến thức tiếng Việt, 4. Tổng kết (những lưu ý khi vận dụng).

– Tiết dạy viết có các hoạt động: 1. Khởi động, 2. Tìm hiểu định hướng viết, 3. Thực hành viết, 4. Tổng kết (rút ra cách viết kiểu văn bản).

– Tiết dạy nói và nghe gồm các hoạt động: 1. Khởi động, 2. Tìm hiểu định hướng nói và nghe, 3. Thực hành nói và nghe, 4. Tổng kết (những lưu ý khi vận dụng).

Sách giáo viên không phải giáo án mà chỉ là tài liệu tham khảo thiết yếu, cung cấp các thông tin cơ bản để giáo viên có thể soạn giáo án theo định hướng mới, phù hợp với sách giáo khoa. Từ các nội dung và gợi ý trong sách giáo viên, thầy, cô căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mình để biên soạn giáo án cho phù hợp và có hiệu quả. Tuy nhiên, thầy, cô cần bảo đảm các yêu cầu cơ bản của mỗi kiểu bài (đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết, nói và nghe), không làm nặng thêm chương trình, gây quá tải cho học sinh.

Để tránh trùng lặp, trong sách giáo viên này, một số nội dung, yêu cầu giống nhau được nêu chung ở *Phần một* hoặc ở bài đầu tiên của mỗi tập sách, không nhắc lại ở các bài sau. Mặt khác, mỗi bài học có đặc điểm riêng nên cách dạy cũng cần linh hoạt. Bên cạnh những nội dung chính, quan trọng được trình bày thống nhất, các hoạt động dạy học được hướng dẫn thực hiện phù hợp với từng bài cụ thể.

Chúng tôi mong quyển sách giáo viên *Ngữ văn 8* này sẽ hỗ trợ quý thầy, cô dạy học một cách chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

Thay mặt Nhóm biên soạn
NGUYỄN MINH THUYẾT – ĐỖ NGỌC THỐNG

PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Sách giáo viên (SGV) *Ngữ văn 8* được biên soạn nhằm giúp giáo viên (GV) dạy sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 8* viết theo *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* đúng phương pháp và có hiệu quả, không áp đặt, khuyến khích GV sáng tạo,... Để đạt được mục tiêu ấy, SGV được biên soạn gồm hai phần:

Phần một: Những vấn đề chung.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể.

I. CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN 2018

1. Mục tiêu và yêu cầu đổi mới cách dạy

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 ra đời với mục tiêu khắc phục các hạn chế của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường và đáp ứng yêu cầu mới. Cụ thể: tập trung hình thành, phát triển năng lực đọc, viết cho học sinh (HS) theo hướng mới với những kì vọng mới.

Mục tiêu ấy đòi hỏi cần chuyển từ dạy học theo nội dung sang dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Dạy học phát triển năng lực không hướng đến việc cung cấp thật nhiều kiến thức ngôn ngữ và văn học mà quan tâm đến việc vận dụng những kiến thức ấy, quan tâm đến năng lực thực hiện của người học.

Theo đó, cái đích cuối cùng của việc học Ngữ văn là HS biết sử dụng tiếng Việt một cách hiệu quả, từ việc sử dụng ngôn ngữ tự nhiên qua giao tiếp hằng ngày đến đọc, viết, nói và nghe các văn bản, từ văn bản thông thường đến văn bản văn học. HS cần có năng lực tiếp nhận, giải mã cái hay, cái đẹp của văn bản văn học, thể hiện chủ yếu ở việc biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật của các văn bản văn học; nhận biết, lí giải, nhận xét và đánh giá được những đặc sắc về hình thức văn bản văn học; từ đó, biết tiếp nhận đúng và sáng tạo các thông điệp nội dung (nghĩa, ý nghĩa, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng). HS có năng lực văn học còn thể hiện ở khả năng tạo lập, biết cách biểu đạt (viết và nói) kết quả cảm nhận, hiểu và lí giải giá trị thẩm mĩ của văn bản văn học; bước đầu có thể tạo ra được các “sản phẩm” văn học.

Muốn đạt được mục tiêu nói trên, trước hết, trong dạy đọc hiểu văn bản, GV cần phải chuyển từ cách dạy giảng văn sang dạy đọc hiểu; chuyển từ việc nói cho HS nghe những gì thầy, cô hiểu, yêu thích về tác phẩm sang hướng dẫn để các em biết tìm ra cái hay, cái đẹp của tác phẩm theo cách nhìn và suy nghĩ, cảm nhận của

chính HS; chuyển từ việc GV thuyết trình là chính sang tổ chức cho HS thực hành thông qua các hoạt động, bằng các hoạt động.

Để hiểu tác phẩm, trước hết, HS phải tiếp xúc, làm việc với văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó, có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản. HS được chủ động tìm kiếm, phát hiện, phân tích, bước đầu suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong văn bản. Các em cần liên hệ, so sánh giữa các văn bản, bước đầu kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội; kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân HS,... để hiểu sâu hơn giá trị của văn bản. Từ đó, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực đòi hỏi GV cần biết tổ chức các hoạt động học tập, thông qua các hoạt động nhằm giúp các em tự khám phá và kiến tạo tri thức cho mình. GV không thể nói suốt trong tiết dạy, nói say mê những điều mình biết về tác phẩm ấy, mà cần hướng dẫn để HS biết cách tiếp cận, nắm được cách tìm hiểu một văn bản theo đặc trưng thể loại. HS cần được rèn luyện về cách đọc, từ đọc có hướng dẫn đến đọc độc lập, tự đọc được các văn bản – tác phẩm tương tự.

Với văn bản văn học, GV phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ HS chủ động, tự tin, phát huy vai trò “đồng sáng tạo” trong tiếp nhận tác phẩm; bước đầu biết so sánh, đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh; từ đó, biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. GV cần có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của HS; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Cần sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hoá và hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động không có nghĩa là GV phó thác và mất hết vai trò làm thầy trong tiết học, mà trái lại, dạy học phát triển năng lực đòi hỏi GV phải nỗ lực rất nhiều. GV cần cố gắng trong việc thiết kế giáo án, hướng dẫn tổ chức cho HS làm việc, nhắc nhở, uốn nắn những lệch lạc của HS trong tiếp nhận và tạo lập văn bản, tham gia cùng HS phát biểu những suy nghĩ và cảm nhận của mình về giá trị của tác phẩm,...

Với chương trình (CT) và SGK *Ngữ văn* mới, dạy văn thực chất là dạy cho HS phương pháp đọc hiểu. Đọc hiểu ở đây được hiểu một cách khá toàn diện. Đó là

một quá trình bao gồm việc tiếp xúc với văn bản, thông hiểu cả nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa hàm ẩn cũng như thấy được vai trò, tác dụng của các hình thức, biện pháp nghệ thuật ngôn từ, các thông điệp tư tưởng, tình cảm, thái độ của người viết và cả các giá trị tự thân của hình tượng nghệ thuật. Đọc hiểu là hoạt động quan trọng nhất để HS tiếp xúc trực tiếp với các giá trị văn học. Đọc hiểu bắt đầu từ đọc chữ, đọc câu, hiểu nghĩa của từ và sắc thái biểu cảm, hiểu nghĩa của hình thức câu, hiểu mạch văn, bố cục và nắm được ý chính cũng như chủ đề của tác phẩm. Lí giải là hiểu đặc sắc về nghệ thuật và ý nghĩa xã hội nhân văn của tác phẩm trong ngữ cảnh của nó. Trong quá trình học đọc, HS sẽ biết cách đọc để tích lũy kiến thức, đọc để lí giải, đọc để đánh giá và đọc sáng tạo, phát hiện. HS sẽ học cách trích câu hay trích chi tiết, trích ý, học cách thuyết minh, thuật lại nội dung văn bản đã học. Hệ thống văn bản được lựa chọn nhằm thực hiện việc đào tạo năng lực đọc hiểu, qua đó, vừa cung cấp tri thức văn học, văn hoá dân tộc; vừa giáo dục tư tưởng, tình cảm; vừa rèn luyện kĩ năng đọc mà HS có thể mang theo suốt đời sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) để có thể đọc hiểu nhiều loại văn bản thông dụng trong đời sống.

Đọc văn theo tinh thần đó thực chất là toàn bộ quá trình tiếp nhận, giải mã văn bản. Muốn thế, HS phải được trang bị trên hai phương diện: những *kiến thức để đọc văn* và *phương pháp đọc văn*. Những kiến thức và phương pháp này chỉ có thể có được qua việc thực hành trong quá trình đọc văn thông qua các văn bản – tác phẩm cụ thể, tiêu biểu cho các *thể loại* ở những giai đoạn khác nhau. Do vậy, nhiệm vụ quan trọng của sách *Ngữ văn* là tập trung hình thành cho HS cách đọc văn, phương pháp đọc hiểu theo thể loại và kiểu văn bản. Tất nhiên, thông qua hệ thống văn bản – tác phẩm tiêu biểu (như là những văn liệu, ngữ liệu), CT cung cấp và hình thành cho HS những kiến thức tiêu biểu về *lịch sử văn học* (LSVH), *lí luận văn học* (LLVH), *tác giả và tác phẩm văn học*. Dạy đọc còn phải trang bị cho HS các kiến thức tiếng Việt với tất cả các đơn vị và cấp độ ngôn ngữ như: *ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đoạn văn, văn bản*. Chính những đơn vị ngôn ngữ này tạo nên thể giới hình tượng của tác phẩm văn học. Do đó, việc phân tích, cảm nhận tác phẩm văn học không thể không dựa vào chúng. Nói cách khác, những kiến thức về LSVH, LLVH, ngôn ngữ học và các kiến thức về văn hoá tổng hợp đều trở thành kiến thức công cụ, là những chìa khoá giúp cho HS đọc hiểu tác phẩm văn học có hiệu quả hơn.

Dạy viết có hai yêu cầu: dạy kĩ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Ngoài dạy kĩ thuật viết đúng chính tả, ngữ pháp, mục đích quan trọng nhất của dạy viết

theo yêu cầu phát triển năng lực là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó, giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách HS. Vì thế, khi dạy viết, GV cần chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng, triển khai ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng, đảm bảo yêu cầu mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Nói và nghe là hai trong bốn kỹ năng giao tiếp cần rèn luyện cho HS. CT Ngữ văn 2018 có số tiết dành cho kỹ năng nói và nghe rất ít, chỉ 10% tổng thời lượng. Tuy nhiên, cần lưu ý việc rèn luyện kỹ năng nói và nghe được thực hiện ở rất nhiều hình thức khác nhau: trong kiểm tra bài cũ, phát biểu ý kiến xây dựng bài, trao đổi thảo luận, trong sinh hoạt lớp,... Có thể coi 10% số tiết mà CT quy định được hiểu là dạy nói – nghe có nội dung theo đề tài, chủ đề bắt buộc. Cụ thể: đọc hiểu và viết nội dung gì thì nói – nghe sẽ tổ chức để HS rèn luyện theo nội dung ấy.

Dạy nói – nghe không chỉ là kỹ năng nói và nghe mà còn là cơ hội để rèn giữa phẩm chất, thái độ, tình cảm, lối sống có văn hoá cho HS. Vì thế, khi dạy nói và nghe, GV không chỉ chú ý nội dung, mà quan trọng hơn là cần tập trung vào kỹ năng và thái độ khi nghe – nói.

GV cần tập trung vào yêu cầu hướng dẫn HS các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo quy trình và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, GV hướng dẫn HS nắm được quy trình tạo lập văn bản; xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu; hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; yêu cầu viết văn bản. GV cũng cần hướng dẫn HS tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên tiêu chí đánh giá bài viết; hướng dẫn HS liên hệ với các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản.

Cuối cùng, không thể không chú ý tới việc đánh giá kết quả. Cách thức kiểm tra – đánh giá tác động rất lớn vào cách dạy, cách học. Vì thế, cần có nhận thức đúng để thay đổi cách ra đề kiểm tra, đề thi Ngữ văn trong nhà trường.

Định hướng chung của việc thay đổi đánh giá là chuyển từ yêu cầu đánh giá ghi nhớ nội dung sang yêu cầu đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực viết, tức là đánh giá được khả năng vận dụng tiếng Việt vào đọc và viết văn bản. Đề kiểm tra phải bám sát mục tiêu, tính chất và yêu cầu của mỗi kì thi. Đề văn hay phải là đề văn đúng, phù hợp với trình độ của HS, gợi được cảm xúc và hứng thú của người viết; đừng yêu cầu HS bàn những vấn đề lí luận quá cao siêu, xa vời; phải khơi dậy được khả năng tư duy độc lập, phát huy cá tính sáng tạo của từng HS; vì thế, đề thi và đáp án không nên áp đặt những khuôn mẫu nhất định. Cần khuyến khích những bài viết có sáng tạo; chống hiện tượng chép văn mẫu và học thuộc tài liệu có sẵn, không dám bút phá, vượt thoát sang một hướng nào khác.

2. Sự thống nhất về CT và đa dạng hoá SGK

2.1. Phân biệt CT và SGK

CT môn Ngữ văn cũng như tất cả các môn học, đều do một tiểu ban soạn thảo trên cơ sở thống nhất với CT tổng thể, được lấy ý kiến của các cơ sở giáo dục và xã hội, được Hội đồng Quốc gia thẩm định CT xem xét, thông qua và được ban hành bằng một văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo). CT Tiếng Việt – Ngữ văn (2006) được biên soạn từ các thời điểm khác nhau (Tiểu học – 1995, Trung học cơ sở (THCS) – 1998 và THPT – 2000), đến năm 2006, được hợp nhất, bổ sung chuẩn CT theo quy định của Luật Giáo dục 2005 nên thường được gọi là CT 2006. CT Ngữ văn 2018 được biên soạn trong hai năm 2017 và 2018, được ban hành cuối năm 2018.

CT Ngữ văn 2018 là CT mở, phục vụ cho chủ trương một CT, nhiều SGK nên chỉ nêu mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và một số nội dung cốt lõi của mỗi lớp, mỗi cấp. Trên cơ sở quy định của CT, người biên soạn các bộ SGK tự quyết định lựa chọn ngữ liệu, sắp xếp nội dung, hướng dẫn tổ chức hoạt động rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Ví dụ: Ba bộ SGK *Ngữ văn* lớp 8 sẽ có cách triển khai rất khác nhau, nhưng tất cả đều phải hướng đến mục tiêu và đáp ứng được các yêu cầu cần đạt mà CT đã nêu lên. Chẳng hạn, mục tiêu và yêu cầu cần đạt của đọc hiểu với lớp 8 là: “Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười, truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ”. Với yêu cầu này, cả ba bộ SGK đều phải tuân thủ, trước hết về thể loại, phải dạy cách đọc hiểu truyện cười, truyện lịch sử và khi dạy phải chú ý giúp HS nhận biết được các yếu tố như “cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ”. Tương tự với yêu cầu “Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.” thì cả ba bộ SGK đều phải khai thác các văn bản thơ theo những yêu cầu mà CT đã quy định,...

Các yêu cầu khác của CT về đọc hiểu, viết, nói và nghe đều là các yêu cầu chung cần tuân thủ, nhưng việc biên soạn SGK và tổ chức dạy học như thế nào để đạt được mục tiêu, yêu cầu ấy có thể rất khác nhau.

2.2. Từ CT đến SGK *Ngữ văn*

Với hầu hết các nước, CT Giáo dục phổ thông quốc gia chỉ có một. Từ CT quốc gia, các địa phương (bang, khu vực, nhà trường) căn cứ vào thực tiễn để thiết kế CT địa phương và CT nhà trường. CT địa phương và CT nhà trường thường tuân thủ CT quốc gia từ 80% đến 90%; nội dung còn lại do địa phương tự điều chỉnh. Hầu hết các nước thực hiện chính sách một CT, nhiều SGK. Và vì thế, CT trở thành cơ sở quan trọng nhất của việc dạy học, từ biên soạn SGK, lựa chọn

phương pháp và kiểm tra – đánh giá. SGK chỉ là một trong những tài liệu dạy học quan trọng nhưng không bắt buộc. GV có thể dạy theo bất kì bộ sách nào và lấy tư liệu từ các nguồn khác nhau để hướng dẫn HS học hằng ngày, miễn là đáp ứng được yêu cầu của CT.

Văn bản CT của mỗi nước trình bày có khác nhau, nhưng đã theo định hướng nhiều SGK thì CT phải có tính “mở”. Tức là CT chỉ quy định “kết quả đầu ra” bằng các yêu cầu cần đạt đối với HS. Từ yêu cầu cần đạt này, CT nêu lên một số kiến thức cốt lõi cần dạy để đạt được các yêu cầu. Cái đích của dạy và học là yêu cầu cần đạt; còn dạy thông qua cái gì, bằng cách nào là tùy vào người soạn SGK và GV. Điều này giống như học ngoại ngữ: HS học sách nào, giáo trình nào, học ở đâu, ai dạy,... không quan trọng, mà quan trọng là cuối cùng HS nói – nghe lưu loát và đọc thông, viết thạo một ngoại ngữ nào đó.

Như thế, SGK chỉ là công cụ, phương tiện để giúp GV, HS dạy và học nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của CT. Vì thế, khi kiểm tra – đánh giá, phải dựa vào yêu cầu cần đạt của CT, không dựa vào một SGK cụ thể nào. CT Ngữ văn 2018 đã nêu rõ yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp về bốn kĩ năng giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe với ba loại văn bản: văn học, nghị luận và thông tin. Theo CT này, GV dạy sách nào cũng được, nhưng cuối năm lớp 8, HS cần biết đọc truyện cười, truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện lịch sử, thơ, thơ sáu chữ, bảy chữ, hài kịch; biết đọc văn bản nghị luận văn học và nghị luận xã hội trung đại; biết đọc văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên, giới thiệu một cuốn sách, bộ phim; biết viết các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm; bước đầu biết viết văn bản thuyết minh, nghị luận. Tương tự như đọc và viết, HS phải biết nói và nghe đạt yêu cầu mà CT đã đề ra.

SGK phải tuân thủ CT, cụ thể hoá các yêu cầu của CT thông qua các văn bản và các hoạt động đọc, viết, nói, nghe cụ thể. Để dạy cách đọc, SGK cần tổ chức cho HS học đọc theo thể loại và kiểu văn bản. Mỗi bài học cần tập trung vào một thể loại chứ không chạy theo nội dung như đề tài, chủ đề trong tác phẩm văn học. Tuy nhiên, dạy học Ngữ văn còn có nhiệm vụ trang bị cho HS vốn văn học, văn hoá. Vì thế, ở mỗi thể loại, SGK cần lựa chọn được những tác phẩm tiêu biểu cho văn học dân tộc và nhân loại. Việc giáo dục phẩm chất, nhân cách được thông qua nội dung các tác phẩm cụ thể. Mỗi tác phẩm văn học đều hàm chứa nhiều giá trị, nhiều ý nghĩa khó có thể khuôn vào một chủ đề duy nhất. GV cứ hướng dẫn HS đọc hiểu tốt các văn bản – tác phẩm thì chính là vừa dạy cách đọc, vừa góp phần giáo dục phẩm chất, nhân cách cho HS.

2.3. LLVH trong CT và SGK 2018

Trong các CT Ngữ văn truyền thống, LLVH được dạy với hai yêu cầu: một là học một số thuật ngữ văn học thông qua các bài giảng văn, phân tích tác phẩm như đề tài, chủ đề, nhân vật, thể loại văn học; ví dụ, sơ lược về đặc điểm của các thể loại: thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn, thơ lục bát, thơ song thất lục bát; một số khái niệm cơ bản về hình ảnh, nhịp điệu, tiết tấu trong thơ (CT 2006, lớp 7),... Hai là học các bài LLVH chuyên về một vấn đề nào đó ở cấp THPT; ví dụ: chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực, trào lưu và khuynh hướng văn học,... (CT 2006, lớp 11); hoặc quá trình văn học, phong cách văn học, giá trị văn học, tiếp nhận văn học (CT 2006, lớp 12);...

CT Ngữ văn 2018 thay đổi cách dạy LLVH. Trước hết, cần trả lời câu hỏi: HS biết các kiến thức LLVH ấy để làm gì? Với hầu hết tất cả những người lao động bình thường, điều quan trọng nhất là hiểu được văn bản – tác phẩm chứ không phải để biết các tri thức LLVH. Vì thế, LLVH chỉ có ích khi giúp HS hiểu được văn bản – tác phẩm. Có nghĩa là LLVH phải trở thành phương tiện để giúp HS đọc hiểu văn bản một cách tốt hơn, hiệu quả hơn, chứ không học các bài LLVH lí thuyết nặng nề, khó hiểu nhưng không giúp HS hiểu văn bản.

Theo định hướng trên, LLVH trong CT Ngữ văn 2018 được thể hiện ngay trong các yêu cầu cần đạt về các thể loại văn bản và các thành tố tạo nên văn bản văn học. LLVH có mặt ngay từ các lớp ở Tiểu học. Chẳng hạn, với lớp 3 và 4, khi yêu cầu HS “Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại”, tức là đã có LLVH ít nhất ở hai khái niệm “nhân vật” và “lời thoại”. Đây là yêu cầu của CT, còn việc thể hiện vào SGK như thế nào, bằng cách nào cho đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với HS độ tuổi này là tùy thuộc vào mỗi bộ SGK. Với sách *Ngữ văn 8* (bộ Cánh Diều), LLVH thể hiện ở các bài đọc hiểu, trước hết là hệ thống thể loại và kiểu văn bản nêu trong nhan đề 10 bài học. Tiếp đó là các thành tố của văn bản văn học được cài đặt trong các bài đọc hiểu gắn với mỗi thể loại như: truyện cười; hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng được gắn với Bài 4. *Hài kịch và truyện cười* hoặc cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ của truyện lịch sử; cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến trong Bài 8. *Truyện lịch sử và tiểu thuyết*,... Đọc các yêu cầu cần đạt trong CT Ngữ văn 2018 sẽ thấy các kiến thức LLVH thể hiện rõ ở cả ba phương diện: i) Nội dung với các khái niệm như: đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng,...; ii) Hình thức với các khái niệm như: thể loại, cốt truyện, nhân vật, lời nhân vật, lời người kể, điểm nhìn và ngôi kể,...; iii) Tiếp nhận văn học với các yêu cầu HS biết liên hệ, so sánh, kết nối với bối cảnh lịch sử, văn hoá, đặc biệt liên hệ với kinh nghiệm

sống của bản thân để hiểu văn bản – tác phẩm một cách sáng tạo, mang dấu ấn cá nhân. Một số vấn đề LLVH mang tính chuyên sâu chỉ được giới thiệu trong các chuyên đề tự chọn ở cấp THPT.

Đề dạy đọc hiểu văn bản văn học, GV cần tổ chức cho HS hiểu nội dung trong mối quan hệ với các yếu tố hình thức là một yêu cầu cần bản đặt ra từ lâu. Với CT 2018, yêu cầu ấy được thể hiện trực tiếp vào các yêu cầu cần đạt của mỗi bài học, buộc GV phải tổ chức, hướng dẫn HS khai thác để hiểu văn bản. Đó không còn chỉ là một khuyến nghị nằm ngoài, muốn làm hay không làm cũng được. Dạy LLVH không còn là “dạy chay” mà luôn phải gắn chặt với mỗi văn bản – tác phẩm cụ thể.

2.4. LSVH trong CT và SGK 2018

Trong các CT Ngữ văn trước đây, LSVH được dạy với hai yêu cầu: một là học trực tiếp các bài khái quát văn học sử; hai là giảng văn các tác phẩm theo các giai đoạn lịch sử từ dân gian đến trung đại và hiện đại. Từ cuối cấp THCS, HS học bài sơ lược về văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Lên THPT, LSVH được học thông qua các bài khái quát như *Tổng quan nền văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử* hoặc *Khái quát văn học từ đầu thế kỉ XX đến 1945* và các bài khái quát về Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh,... Ngoài ra, mỗi bài học đều có phần *Tiểu dẫn* nêu thông tin về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời,... thực chất đó cũng là LSVH.

Có thể thấy, với CT Ngữ văn trước đây, LSVH là đối tượng cần dạy, cần học; là yêu cầu cần đạt. Với CT Ngữ văn 2018, LSVH trở thành phương tiện để giúp HS đọc hiểu văn bản. Cụ thể, HS sẽ không phải học các bài LSVH lí thuyết nặng nề, nhiều khái niệm, thuật ngữ khó hiểu. Và quan trọng hơn, cần trả lời câu hỏi: HS biết các kiến thức LSVH ấy để làm gì? Câu trả lời của CT Ngữ văn 2018 là phải giúp HS đọc hiểu được văn bản một cách tốt hơn, hiệu quả hơn. Vì thế, những kiến thức LSVH phải gắn với từng văn bản – tác phẩm, làm sáng tỏ và giúp cho việc hiểu văn bản ấy.

CT Ngữ văn 2018 không yêu cầu dạy và học những bài khái quát như trước. Đến cuối lớp 9 mới có yêu cầu HS “Vận dụng được một số hiểu biết về LSVH Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.”, hoặc cuối lớp 12 mới yêu cầu “Vận dụng được kiến thức về LSVH và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình LSVH; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.”. Nghĩa là ở các lớp cuối cấp, HS mới cần có những hiểu biết về LSVH nhưng vẫn không ngoài mục đích giúp cho việc đọc hiểu văn bản. Với ba tác giả Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và Hồ Chí Minh, ở THPT mới có

yêu cầu “Vận dụng được những hiểu biết về tác giả để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.”. Các văn bản đọc hiểu ở tất cả các lớp không sắp xếp theo LSVH mà theo thể loại văn học. Ví dụ: dạy đọc hiểu truyện dân gian bên cạnh truyện hiện đại, truyện trung đại; truyện Việt Nam bên cạnh truyện nước ngoài;... Các thể loại khác cũng tương tự.

Tuy tổ chức bài học theo thể loại nhưng SGK *Ngữ văn* vẫn chú trọng LSVH. Các kiến thức văn học sử được thể hiện ở yêu cầu về bối cảnh ra đời của tác phẩm; chẳng hạn với tác phẩm *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn) hoặc *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi), *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn),... Việc vận dụng các kiến thức LSVH như là công cụ và phương tiện giúp cho việc đọc hiểu được gắn với yêu cầu “liên hệ, so sánh, kết nối” (yêu cầu của CT *Ngữ văn* 2018). Yêu cầu này có trong mục đọc hiểu của tất cả các lớp. Theo đó, để dạy đọc hiểu một văn bản, GV cần tổ chức cho HS biết liên hệ với bối cảnh lịch sử – văn hoá thời đại và hoàn cảnh ra đời của mỗi tác phẩm; so sánh các bối cảnh, các điều kiện lịch sử khác nhau của các văn bản để hiểu sâu hơn, nhận xét và đánh giá đúng hơn giá trị của mỗi văn bản.

2.5. Tính kế thừa và phát triển trong CT 2018

Đổi mới không có nghĩa là xóa đi tất cả, làm lại từ đầu; cũng không thể giữ nguyên như cũ. Vì thế, cần làm rõ CT *Ngữ văn* 2018 kế thừa những gì của CT *Ngữ văn* 2006 và đổi mới ở những điểm nào. Dưới đây là một vài điểm khái quát:

a) CT môn *Ngữ văn* 2018 tiếp tục mục tiêu giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng tình cảm, phát triển nhân cách cho HS, coi đây là thế mạnh của môn *Ngữ văn* trong giáo dục phẩm chất.

Điểm mới là: không nghiêng về tập trung chạy theo khối lượng kiến thức mà coi trọng sự vận dụng kiến thức vào các tình huống trong học tập và cuộc sống; phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ và văn học.

b) CT môn *Ngữ văn* 2018 tiếp tục dựa vào các tác phẩm, tác giả lớn, tinh hoa của văn học dân tộc và thế giới, những tác phẩm đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của nhiều thế hệ. CT 2018 kế thừa những văn bản hay, tiêu biểu trong kho tàng văn học dân tộc; khoảng 70% vẫn là những văn bản trong CT 2006.

Điểm mới là: bổ sung, cập nhật những tác phẩm đương đại, gần gũi với tâm – sinh lí của thế hệ HS hiện nay; lựa chọn tác phẩm và đoạn trích theo yêu cầu mới, giúp cho việc phát triển phẩm chất và năng lực có hiệu quả; dành cho người biên soạn SGK và GV quyền lựa chọn tác phẩm nhằm phát huy tính sáng tạo và phù hợp với đối tượng.

c) CT môn Ngữ văn 2018 tiếp tục hình thành cho HS các kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt và văn học; chú trọng yêu cầu đọc hiểu và viết.

Điểm mới là: hạn chế việc nhồi nhét kiến thức, tập trung thay đổi cách dạy, từ việc chủ yếu giảng cho HS nghe, đọc cho HS chép sang việc nêu vấn đề, tổ chức, gợi mở cho HS trao đổi, thảo luận về văn bản để các em tự tìm ra các giá trị nội dung và hình thức. Vẫn là văn bản – tác phẩm ấy nhưng phải dạy theo hướng phát triển năng lực, từ đọc có hướng dẫn đến việc HS biết tự đọc, tự hiểu được các văn bản tương tự.

d) CT môn Ngữ văn 2018 kế thừa, phát triển định hướng tích hợp và phân hoá. CT 2006 đã thực hiện tích hợp giữa văn học, tiếng Việt, làm văn nhưng do trực tích hợp của ba cấp khác nhau nên chưa nhất quán và triệt để; phân hoá ở THPT bằng SGK cơ bản và nâng cao, giữa hai bộ có khác nhau ít nhiều; tiếp tục tích hợp các nội dung liên môn và xuyên môn một cách hợp lí.

Điểm mới là: thống nhất trực tích hợp của cả ba cấp; tích hợp triệt để và nhất quán đến mức cao nhất có thể giữa ngôn ngữ và văn học, giữa các kiểu, loại văn bản và giữa các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; thực hiện phân hoá theo năng lực, sở trường của cá nhân; coi trọng cá tính người học; phân hoá ở THPT được thực hiện bằng việc cho HS tự chọn một số chuyên đề học tập.

e) CT môn Ngữ văn 2018 kế thừa và phát triển cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. CT 2006 đã thực hiện đánh giá khả năng đọc hiểu của HS qua những ngữ liệu mới; yêu cầu viết nghị luận xã hội cũng đã đổi mới; riêng yêu cầu nghị luận văn học vẫn còn nhiều hạn chế, HS vẫn chỉ cần học thuộc và chép lại tài liệu có sẵn.

CT Ngữ văn 2018 khắc phục hạn chế trong việc viết bài nghị luận văn học bằng yêu cầu đổi mới cách ra đề; khuyến khích sự sáng tạo độc đáo, có cá tính của HS trong việc hiểu vấn đề và viết bài văn.

II. SGK NGỮ VĂN 8

1. Thông tin chung

Bộ SGK *Ngữ văn* THCS được thiết kế theo mô hình tích hợp, bám sát các yêu cầu của CT Ngữ văn 2018; lấy hệ thống thể loại có kết hợp với chủ đề / đề tài (nhất là các văn bản thông tin và nghị luận) làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe), các năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu cho HS.

2. Cấu trúc chung của sách *Ngữ văn 8*

2.1. Tổng thời lượng học

SGK *Ngữ văn 8* thực hiện đúng quy định của CT *Ngữ văn 2018*, được dạy và học trong 35 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết, tổng thời lượng là 140 tiết.

2.2. Cấu trúc sách

Thể loại và kiểu văn bản được hiểu theo các cấp độ sau:

Loại văn bản gồm: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

Thể loại: chỉ những thể loại của văn bản văn học, gồm các thể loại lớn học lập lại ở tất cả các lớp: truyện, thơ, kí, kịch.

Tiểu loại: là các thể loại nhỏ trong mỗi thể loại lớn; mỗi lớp học một số tiểu loại này. Ví dụ: Lớp 8 học truyện gồm *truyện cười*, *truyện lịch sử*, *truyện ngắn*, *tiểu thuyết hiện đại*,...

Kiểu văn bản chỉ các kiểu trong loại văn bản nghị luận và thông tin.

Ở mỗi lớp, mỗi thể loại và kiểu văn bản lớn được triển khai thành một bài lớn gồm 12 tiết; trong đó tích hợp cả 4 kĩ năng (đọc, viết, nói và nghe). Mỗi kĩ năng có thể có một hay nhiều bài học nhỏ, tùy vào khối lượng nội dung của kĩ năng ấy trong từng bài lớn.

a) Cấu trúc chung

SGK *Ngữ văn 8* được thiết kế theo cấu trúc chung như sau:

- *Bài Mở đầu*: 4 tiết.
- Từ Bài 1 đến Bài 10: mỗi bài 12 tiết.
- Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I và học kì II: 8 tiết.
- Cả năm có 8 tiết dự trữ.
- Tổng 140 tiết. Cụ thể:

+ *Bài Mở đầu*: nêu thông tin khái quát về các nội dung chính và cấu trúc sách *Ngữ văn 8*.

+ Ngoài *Bài Mở đầu*, số lượng bài Đọc hiểu phân bổ như sau: Truyện: 3 bài; Thơ: 2 bài; Hài kịch và truyện cười: 1 bài; Văn bản nghị luận: 2 bài; Văn bản thông tin: 2 bài.

+ Các nội dung về tiếng Việt bám sát quy định của CT *Ngữ văn 2018* để phân bổ và tích hợp vào 10 bài học chính.

+ Các bài về kĩ năng viết, nói và nghe bám sát quy định của CT, được tổ chức theo hướng dựa vào ngữ liệu của phần đọc hiểu để biên soạn và thực hành viết, nói và nghe.

b) Cấu trúc cụ thể

Tập một

Bài	Thể loại / kiểu văn bản	Tiểu loại	Đề tài / chủ đề chính
1	Truyện	Truyện ngắn (trữ tình)	Những tình cảm, cảm xúc cao đẹp; lòng nhân ái, vị tha
2	Thơ	Thơ sáu chữ, bảy chữ	Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương, đất nước
3	Văn bản thông tin	Giải thích một hiện tượng tự nhiên	Thiên nhiên dữ dội và kì diệu
4	Kịch và truyện	Hài kịch và truyện cười	Những cung bậc tiếng cười, bệnh sĩ và bệnh tướng
5	Văn bản nghị luận	Nghị luận xã hội	Yêu nước và tự hào dân tộc
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I			
Phụ lục: các bảng tra cứu			

Tập hai

Bài	Thể loại / kiểu văn bản	Tiểu loại	Đề tài / chủ đề chính
6	Truyện	Truyện ngắn, Tiểu thuyết (truyện dài)	Cuộc sống và những số phận con người
7	Thơ	Thơ Đường luật	Thiên nhiên, cuộc sống và tình cảm con người
8	Truyện	Truyện lịch sử và tiểu thuyết	Những nhân vật lịch sử và phẩm giá con người
9	Văn bản nghị luận	Nghị luận văn học	Vẻ đẹp của các tác phẩm thơ văn
10	Văn bản thông tin	Thuyết minh giới thiệu	Giá trị của một cuốn sách, bộ phim
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II			
Phụ lục: các bảng tra cứu			

c) Giải thích thêm về cấu trúc sách

– Với cấu trúc mỗi bài 12 tiết, không thể tách ra thành hai bài *Hài kịch* và *Truyện cười* riêng. Vì các văn bản truyện cười rất ngắn gọn và cùng nội dung, thủ pháp nghệ thuật với hài kịch nên ghép hai thể loại này trong một bài học lớn. Sự

kết hợp này cũng giống như ở sách *Ngữ văn 6* (Bài 6. *Truyện đồng thoại, truyện của Pu-skin và An-đéc-xen* hoặc *Ngữ văn 7* (Bài 6. *Truyện ngụ ngôn và tục ngữ*).

– CT *Ngữ văn 2018*, ở lớp 8, yêu cầu học đọc hiểu về thơ Đường luật, nhưng trong yêu cầu viết lại có nội dung: “Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ”; vì thế, trong phần đọc hiểu cần có thơ sáu chữ, bảy chữ để thực hiện yêu cầu đọc hiểu gắn với viết.

– Văn bản nghị luận văn học, chúng tôi tiếp tục chủ trương: chọn những bài viết phân tích các tác phẩm đang học trong sách *Ngữ văn 8* để tích hợp đọc. Cách tích hợp này nhằm củng cố các bài học trước và “dễ hoá” việc đọc văn bản nghị luận văn học, một cách giảm tải cho việc dạy và học. Văn bản nghị luận xã hội, chúng tôi kế thừa các văn bản nghị luận trung đại nêu ở CT 2018 và đã có trong SGK *Ngữ văn – CT 2006* (*Hịch tướng sĩ – Trần Hưng Đạo; Đại cáo bình Ngô – Nguyễn Trãi; Chiếu dời đô – Lý Công Uẩn*). Nghị luận hiện đại kế thừa SGK *Ngữ văn – CT 2006* với văn bản *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* (Vũ Khoan) và có thêm một văn bản mới là *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* (Đương Trung Quốc).

– Văn bản thông tin trong CT *Ngữ văn 2018* quy định lớp 8 học: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên và giới thiệu một cuốn sách, bộ phim, được thiết kế thành hai bài cho hai tập sách. Đề tài và chủ đề của Bài 3 tập trung vào một số hiện tượng thiên nhiên vừa gần gũi, quen thuộc lại có ý nghĩa rất lớn như lũ lụt, nước biển dâng, sao băng,...; Bài 10 giới thiệu một cuốn sách, bộ phim, được chọn các tác phẩm có học trong CT như *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* và có mở rộng giới thiệu bộ phim nước ngoài *Người cha và con gái*; đồng thời, cố gắng hạn chế vi phạm luật quảng cáo.

Ngoài những điểm trên, các bài khác hoàn toàn theo yêu cầu của CT *Ngữ văn 2018*.

3. Cấu trúc bài học trong SGK *Ngữ văn 8*

Trong sách *Ngữ văn 8*, trừ *Bài Mở đầu*, 10 bài học còn lại được tổ chức theo các phần, mục như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT (HS xem ở nhà)

Nêu lên yêu cầu mà các em cần đạt được sau khi học bài. Nội dung gồm: mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học; phát triển phẩm chất và năng lực chung.

KIẾN THỨC NGŨ VĂN (HS xem ở nhà và vận dụng trên lớp)

Nêu các kiến thức chung về văn học và tiếng Việt theo yêu cầu cần đạt của bài học đó một cách ngắn gọn, phù hợp với nhận thức của HS lớp 8.

*** Phần chính của bài học gồm các phần sau đây:**

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Mỗi bài học lớn thường có hai văn bản đọc hiểu chính và một văn bản thực hành đọc hiểu. Cả ba văn bản đều dạy trên lớp; tuy nhiên văn bản đọc chính được dạy kĩ hơn, nhiều thời gian hơn (học kĩ), văn bản thực hành đọc chủ yếu để HS tự thực hiện với sự tổ chức, hướng dẫn của GV, ít thời gian hơn. Do văn bản thơ ngắn nên có phần *Thực hành đọc hiểu* gồm hai văn bản. Các phần, mục được trình bày như sau:

Văn bản 1

Tên văn bản (chữ màu)

Tên tác giả (nếu có)

1. Chuẩn bị

- Lưu ý về thể loại và các thông tin liên quan.
- Tác giả, tác phẩm, bối cảnh lịch sử.

2. Đọc hiểu

Sách trình bày văn bản theo hai cột (bên trái và bên phải) với nội dung mỗi cột như sau:

Văn bản	Hướng dẫn đọc
– Nội dung văn bản – Minh hoạ – Chú thích chân trang	– Hướng dẫn cách đọc (chiến lược đọc). – Chỉ dẫn HS chú ý các từ ngữ, câu văn, đoạn văn có liên quan đến kiến thức ngữ văn đã nêu.

Câu hỏi sau khi đọc (logo): Tuy không ghi rõ trong sách nhưng các câu hỏi đọc hiểu sau mỗi văn bản gồm 3 loại với 3 mức độ sau:

- Hiểu.
- Phân tích và nhận xét (đánh giá).
- Mở rộng, nâng cao.

Số lượng câu hỏi mỗi bài đọc hiểu thường là sáu câu. Câu hỏi cho văn bản đọc chính có thể nhiều hơn văn bản thực hành đọc hiểu.

Văn bản 2. Cấu trúc và nội dung tương tự.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Do định hướng thực hành nên nội dung các bài tiếng Việt chủ yếu nêu lên các bài tập để HS thực hành nhằm củng cố các kĩ năng tiếng Việt. Lí thuyết về các đơn vị ngôn ngữ được nêu ngắn gọn ở phần *Kiến thức ngữ văn*; các bài tập là sự cụ thể hoá của lí thuyết ấy với ba dạng:

- Nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.

- Phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Tạo lập đơn vị tiếng Việt.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

- Trình bày văn bản, chỉ dẫn minh hoạ và chú thích như văn bản học chính.
- Hướng dẫn đọc hiểu: có thể ít câu hỏi hơn, chỉ tập trung vào các yêu cầu cần đạt nêu ở đầu bài học.

VIẾT

Phần *Viết*, sách nêu hai mục lớn: một là *Định hướng*, nêu ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về kĩ thuật viết gắn với nội dung bài học cụ thể; hai là *Thực hành* viết nhằm vận dụng những hiểu biết ở mục *Định hướng*. Để rèn luyện HS viết theo quy trình, sách bám sát bốn bước với một số gợi ý cụ thể: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa.

NÓI VÀ NGHE

Tương tự phần *Viết*, *Nói và nghe* cũng có hai mục: một là *Định hướng*, nêu ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về nghe – nói gắn với nội dung bài học cụ thể; hai là *Thực hành*, luyện tập nhằm vận dụng những hiểu biết ở mục *Định hướng*.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Phần này giúp HS tự đánh giá kết quả học bài. Nội dung: kiểm tra kết quả đọc hiểu thông qua một đoạn văn bản ngắn có thể loại và kiểu văn bản tương tự văn bản đã học, với các câu hỏi tập trung vào các đơn vị kiến thức trọng tâm nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn*. Hình thức: kết hợp cả trắc nghiệm và tự luận.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC (HS xem ở nhà)

Nêu gợi ý các văn bản đọc thêm, địa chỉ các trang web (nếu có) và hướng dẫn HS cách tìm, thu thập, lựa chọn các tư liệu liên quan đến bài học.

4. Nội dung cụ thể và thời lượng thực hiện

Dựa vào yêu cầu cần đạt của CT và tổng thời lượng cả năm cho môn Ngữ văn lớp 8 (140 tiết), chúng tôi đã thiết kế hệ thống bài học với sự gợi ý phân bổ thời lượng cụ thể. Tuy nhiên, đó chỉ là những gợi ý; còn việc vận dụng thời lượng cho mỗi bài, mỗi phần, mục,..., GV cần linh hoạt trong quá trình thực hiện (xem mục 6. Một số lưu ý chung, ý 6.5. Về phân bổ thời lượng trong các bài, trang 28).

Tập một

Bài	Nội dung	Số tiết
Bài Mở đầu	Giới thiệu tổng quát về sách <i>Ngữ văn 8</i>	4

1. Truyện ngắn	• Đọc hiểu văn bản – <i>Tôi đi học</i> (Thanh Tịnh) – <i>Gió lạnh đầu mùa</i> (Thạch Lam) • Thực hành đọc hiểu <i>Người mẹ vườn cau</i> (Nguyễn Ngọc Tư)	7
	Viết: Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội	3
	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội	1
	Thực hành tiếng Việt: Trữ từ và thán từ	1
2. Thơ sáu chữ, bảy chữ	• Đọc hiểu văn bản – <i>Nắng mới</i> (Lưu Trọng Lư) – <i>Nếu mai em về Chiêm Hoá</i> (Mai Liễu) • Thực hành đọc hiểu <i>Đường về quê mẹ</i> (Đoàn Văn Cừ)	6
	• Viết: – Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ – Tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ	3
	Nói và nghe: Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống	2
	Thực hành tiếng Việt: Sắc thái nghĩa của từ ngữ	1
3. Văn bản thông tin	• Đọc hiểu văn bản – <i>Sao băng</i> (Theo Hồng Nhung) – <i>Nước biển dâng: bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI</i> (Theo Lưu Quang Hưng) • Thực hành đọc hiểu <i>Lũ lụt là gì? – Nguyên nhân và tác hại</i> (Theo Mơ Kiều)	5
	• Viết: – Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên – Văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống	4
	Nói và nghe: Tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	1
	Thực hành tiếng Việt: Các đoạn văn quy nạp, diễn dịch, song song, phối hợp	2

4. Hài kịch và truyện cười	• Đọc hiểu văn bản – <i>Đổi tên cho xã</i> (Lưu Quang Vũ) – <i>Cái kính</i> (A-dít Nê-xin) • Thực hành đọc hiểu – <i>Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục</i> (Mô-li-e) – <i>Thị nói khoác</i>	7
	• Viết: Nghị luận về một vấn đề của đời sống	3
	• Nói và nghe: Thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống	1
	• Thực hành tiếng Việt: Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn	1
5. Nghị luận xã hội	• Đọc hiểu văn bản – <i>Hịch tướng sĩ</i> (Trần Quốc Tuấn) – <i>Nước Đại Việt ta</i> (Nguyễn Trãi) • Thực hành đọc hiểu – <i>Chiếu dời đô</i> (Lý Công Uẩn) – <i>Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?</i> (Đương Trung Quốc)	7
	• Viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học	3
	• Nói và nghe: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học	1
	• Thực hành tiếng Việt: Ôn tập về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ	1
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I		4

Tập hai

Bài	Nội dung	Số tiết
6. Truyện	• Đọc hiểu văn bản – <i>Lão Hạc</i> (Nam Cao) – <i>Trong mắt trẻ</i> (Ê-xu-pe-ri) • Thực hành đọc hiểu – <i>Người thầy đầu tiên</i> (Ai-ma-tốp)	7
	• Viết: Phân tích một tác phẩm truyện	3
	• Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội	1
	• Thực hành tiếng Việt: Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội	1

7. Thơ Đường luật	• Đọc hiểu văn bản – <i>Mời trầu</i> (Hồ Xuân Hương) – <i>Vịnh khoa thi Hương</i> (Trần Tế Xương) • Thực hành đọc hiểu – <i>Xa ngắm thác núi Lư</i> (Lý Bạch) – <i>Cánh khuỵa</i> (Hồ Chí Minh)	6
	• Viết: Phân tích một tác phẩm thơ	3
	• Nói và nghe: Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ	1
	• Thực hành tiếng Việt: Đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh	2
8. Truyện lịch sử và tiểu thuyết	• Đọc hiểu văn bản – <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> (Ngô gia văn phái) – <i>Đánh nhau với cối xay gió</i> (Xéc-van-tét) • Thực hành đọc hiểu <i>Bên bờ Thiên Mạc</i> (Hà Ân)	7
	• Viết: Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí	3
	• Nói và nghe: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học	1
	• Thực hành tiếng Việt: Câu khẳng định và câu phủ định	1
9. Nghị luận văn học	• Đọc hiểu văn bản – <i>Vẻ đẹp của bài thơ “Cánh khuỵa”</i> (Lê Trí Viễn) – <i>Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”</i> (Văn Giá) • Thực hành đọc hiểu <i>Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh</i> (Về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) (Lê Quang Hưng)	7
	• Viết: Viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch	3
	• Nói và nghe: Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học	1
	• Thực hành tiếng Việt: Thành phần biệt lập trong câu	1

10. Văn bản thông tin	• Đọc hiểu văn bản – “<i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>” – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi (Theo sachhaynendoc.net) – Bộ phim “<i>Người cha và con gái</i>” (Theo vtc.vn) • Thực hành đọc hiểu Cuốn sách “<i>Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ</i>” (Theo Phúc Yên)	6
	• Viết: Viết bài giới thiệu một cuốn sách	3
	• Nói và nghe: Giới thiệu một cuốn sách	1
	• Thực hành tiếng Việt: Câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể	2
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II		4

5. Những điểm mới của SGK Ngữ văn 8

5.1. Bám sát mục tiêu của CT Ngữ văn 2018

Sách *Ngữ văn 8* lấy mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của HS từ CT Giáo dục phổ thông nói chung và CT môn Ngữ văn 2018 nói riêng làm căn cứ để lựa chọn, tổ chức nội dung và hoạt động học tập của HS. Cụ thể là:

– Lấy việc rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) làm trục phát triển của cuốn sách để phục vụ mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học.

– Thống nhất nội dung rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ trong mỗi bài học theo hệ thống thể loại và kiểu văn bản kết hợp với các chủ đề / đề tài để phục vụ mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng sống và các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Tích cực hoá hoạt động học tập của người học để HS phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực một cách vững chắc.

5.2. Bám sát đối tượng người học và giảm tải

Việc biên soạn được tiến hành theo hướng lựa chọn, tổ chức nội dung và các hoạt động học tập cho phù hợp với tâm sinh lí, trình độ nhận thức và điều kiện học tập của HS. Cụ thể là:

– HS là người nói tiếng Việt, do đó, nhiệm vụ trọng tâm của môn Ngữ văn ở lớp 8 là tiếp tục củng cố và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã

được hình thành ở các lớp Tiểu học, đồng thời, dạy phát triển các kỹ năng nghe và nói ở mức độ cao hơn (từ giao tiếp thông thường đến giao tiếp văn hoá).

- HS lớp 8 ở độ tuổi 13 – 14, do đó, cần chú ý đến tính vừa sức và tâm lý lứa tuổi.
- HS là đối tượng rất đa dạng và học tập trong những điều kiện khác nhau, cho nên cần thiết kế nội dung mở để thực hiện giáo dục phân hoá, nhằm khơi dậy tiềm năng ở mỗi HS và để phù hợp với điều kiện dạy, học ở từng địa bàn.
- Sách *Ngữ văn 8* có thời gian dự phòng (8 tiết), cho phép GV vận dụng linh hoạt thời gian trong mỗi bài học, có thể chỉ dạy hai văn bản chính và hướng dẫn đọc hiểu, tích hợp các bài nghị luận văn học với các bài đọc hiểu trước đó (tích hợp đọc) để củng cố lẫn nhau,... Tất cả đều giúp cho việc dạy học nhẹ nhàng, không chịu áp lực về khối lượng nội dung và thời gian dạy học.

5.3. Tạo điều kiện đổi mới cách dạy, cách học

Đổi mới phương pháp dạy học cần tiến hành đồng bộ. Trước hết, SGK cần thay đổi. SGK *Ngữ văn 8* giúp GV và HS thay đổi cách dạy, cách học từ một số đổi mới sau:

- Cấu trúc sách và cấu trúc bài học khác hẳn SGK CT 2006: Mỗi bài lớn chia theo thể loại và kiểu văn bản được quy định trong CT. GV hoàn toàn tự chủ trong việc xác định thời gian và các hình thức tổ chức dạy học, miễn là đạt được mục tiêu bài học.
- Chú trọng kênh chữ và kênh hình, đặc biệt, sách được in 4 màu (khác với in đen trắng như CT 2006) với nhiều đổi mới về minh hoạ, maket, vừa bảo đảm tính thẩm mỹ, vừa đáp ứng yêu cầu dạy học văn bản đa phương thức,....
- HS phải tự đọc, tự tra cứu, tìm kiếm, thu thập, lựa chọn, đánh giá tư liệu và tự liên hệ các phần, mục trong bài,...; tự kiểm tra kết quả học bài.
- Biên soạn theo hướng mở khuyến khích GV vận dụng các phương pháp, phương tiện và kỹ thuật dạy học, đưa ra nhiều hướng, nhiều giải pháp thực hiện, chỉ gợi mở, không làm thay GV; khuyến khích HS tự học, tự tìm kiếm và giải quyết vấn đề,... Khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ riêng; chấp nhận các câu trả lời khác nhau;...

5.4. Tăng cường yêu cầu thực hành

Các bài học trong sách *Ngữ văn 8* tạo điều kiện cho GV và HS tăng cường thực hành tìm kiếm, vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- Các yêu cầu lớn đọc, viết, nói và nghe đều theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành: thực hành đọc hiểu, thực hành viết, thực hành nói và nghe.
- Các nội dung tiếng Việt cũng không biên soạn bài học lý thuyết mà tập trung yêu cầu HS làm bài tập thực hành.

– Các bài đọc hiểu đều có yêu cầu HS liên hệ với thực tiễn và kinh nghiệm, vốn sống của bản thân để hiểu bài học và vận dụng vào thực tế.

5.5. Bảo đảm yêu cầu kế thừa và phát triển

a) Sách *Ngữ văn 8* kế thừa nhiều đơn vị kiến thức cơ bản về văn học, tiếng Việt, làm văn trong CT 2006, kế thừa hệ thống văn bản đọc, lấy lại nhiều tác phẩm đã học trong CT 2006. Ví dụ:

– Truyện: *Tôi đi học* (Thanh Tịnh); *Treo biển* (truyện cười dân gian), *Lão Hạc* (Nam Cao), *Quang Trung đại phá quân Thanh* (Ngô gia văn phái), *Đánh nhau với cối xay gió* (Xéc-van-tét), *Tức nước vỡ bờ* (Ngô Tất Tố), *Cố hương* (Lỗ Tấn).

– Thơ: *Mời trầu* (Hồ Xuân Hương), *Cánh khuỷa* (Hồ Chí Minh), *Xa ngắm thác núi Lư* (Lý Bạch); *Vịnh khoa thi Hương* (Trần Tế Xương), *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan).

– Kịch bản văn học: *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* (Mô-li-e).

– Văn bản nghị luận: *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Nước Đại Việt ta* (Nguyễn Trãi), *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn), *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* (Vũ Khoan).

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu mới, *Ngữ văn 8* cũng có nhiều đơn vị kiến thức ngữ văn và hệ thống văn bản – tác phẩm mới:

– Các văn bản thông tin (Bài 3 và Bài 10) theo yêu cầu mới của CT 2018: *Sao băng*, *Nước biển dâng: bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI*, *Lũ lụt là gì? – Nguyên nhân và tác hại*, *Vì sao chim bồ câu không bị lạc đường?*, *“Lá cờ thêu sáu chữ vàng” – tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi*, *Bộ phim “Người cha và con gái”*, *Cuốn sách “Chìa khoá vũ trụ của Gioóc-giơ”*, *Tập truyện “Quê mẹ” của nhà văn Thanh Tịnh*.

– Thể loại truyện lịch sử: *Bên bờ Thiên Mạc* (Hà Ân).

– Văn bản nghị luận xã hội: *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* (Đương Trung Quốc). Văn bản nghị luận văn học: *Về đẹp của bài thơ “Cánh khuỷa”* (Lê Trí Viễn), *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* (Văn Giá), *Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh* (Về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) (Lê Quang Hưng), *“Hoàng tử bé” – một cuốn sách kì diệu* (theo taodan.com.vn). Đây là những bài phân tích các tác phẩm có học trong sách *Ngữ văn 8*.

– Văn bản truyện: *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam), *Người mẹ vườn cau* (Nguyễn Ngọc Tư), *Người thầy đầu tiên* (Ai-ma-tốp), *Trong mắt trẻ* (Ê-xu-pe-ri), *Cái kính* (A-dít Nê-xin), *Thi nói khóc* (truyện cười dân gian).

– Thơ: *Nắng mới* (Lưu Trọng Lư), *Nếu mai em về Chiêm Hoá* (Mai Liễu), *Đường về quê mẹ* (Đoàn Văn Cừ), *Quê người* (Vũ Quần Phương).

– Kịch bản văn học: *Đổi tên cho xã* (Lưu Quang Vũ).

6. Một số lưu ý chung

6.1. Quan niệm về SGK

SGV không phải là giáo án của GV hay sách thiết kế bài học. SGV chỉ bám sát SGK của HS, mở rộng, giải thích, làm rõ thêm các nội dung trong đó. Hai nội dung lớn mà SGV cần tập trung là:

- Gợi ý cho GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp.
- Gợi ý các nội dung cần làm rõ qua các câu hỏi, bài tập trong SGK.

Như thế, để có một giáo án cụ thể, GV tham khảo SGV; từ đó, hiểu đúng mục tiêu, các yêu cầu của bài học; căn cứ vào đối tượng, điều kiện dạy học và năng lực của chính mình để soạn ra một giáo án cụ thể. Không ai thay thế được người GV trong việc soạn ra một giáo án cho mình. Hơn nữa, CT và SGK 2018 theo định hướng mở, đề cao và khuyến khích người GV tự chủ, tự lựa chọn và quyết định nội dung, cách thức dạy học cụ thể. Vì thế, SGV chỉ có thể nêu lên các gợi ý để GV tham khảo, kể cả những gợi ý về nội dung trả lời các câu hỏi trong SGK. Những câu gợi ý trả lời câu hỏi trong SGV chỉ nêu ý chính, để thống nhất chung về phương hướng; còn nội dung cụ thể, GV hoàn toàn có thể thêm, bớt, miễn là có lí, có cơ sở và có sức thuyết phục.

Trong khi chuẩn bị giáo án, GV nên tìm kiếm thêm tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, nhất là bằng Internet, sau đó, tổng kê, lựa chọn các thông tin quan trọng, liên quan đến tác giả và văn bản sẽ dạy để phục vụ cho việc tổ chức dạy học và hướng dẫn HS tự học, tự tìm kiếm tư liệu.

6.2. Về tiến trình dạy học

Tiến trình tổ chức giờ học theo yêu cầu hình thành và phát triển năng lực cho người học đòi hỏi cần thông qua các hoạt động học tập. Các hoạt động chính của giờ học Ngữ văn thường qua các bước lớn: khởi động, hình thành tri thức mới, luyện tập và vận dụng.

Mỗi hoạt động thường qua các việc: a) giao nhiệm vụ; b) tổ chức cho HS làm việc; c) trình bày, trao đổi và tự rút ra kết luận.

6.3. Về sự khác biệt giữa *Đọc hiểu*, *Thực hành đọc hiểu* và *Tự đánh giá*

CT Ngữ văn 2018 chủ trương hình thành năng lực đọc. Vì thế, cần theo quy trình sư phạm, từ việc hướng dẫn chi tiết cho HS đọc hiểu văn bản theo thể loại ở hai văn bản đọc chính, sau đó chuyển sang *Thực hành đọc hiểu* có hướng dẫn

của GV và cuối cùng là *Tự đánh giá* (Phần này, HS tự đọc hiểu một văn bản mới không có hướng dẫn của GV.). *Thực hành đọc hiểu* nhằm rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua hai văn bản đọc chính. Do thời gian và tính chất thực hành nên giờ học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản luôn. Nghĩa là có thể bắt đầu tổ chức Hoạt động 2 hoặc Hoạt động 3 luôn, tùy vào thời lượng dành cho bài học này. Trong các hoạt động này, hoạt động bắt buộc là HS phải đọc văn bản; còn lại không nhất thiết phải tìm hiểu tất cả các câu hỏi nêu trong SGK. GV có thể lựa chọn một số câu quan trọng để hướng dẫn HS tìm hiểu hoặc củng cố lại các kỹ thuật đọc từ các văn bản đã học. Ở bước *Tự đánh giá*, HS phải tự mình đọc văn bản mới và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm để tự kiểm tra xem mình có hiểu văn bản ấy không, trong đó có tích hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt gắn với văn bản đọc hiểu. Một số câu cuối thường yêu cầu thực hành viết ngắn, nhưng cũng là kiểm tra kết quả đọc, không phải viết bài luận.

6.4. Về việc ghi bảng

a) Tiết đọc hiểu văn bản

GV linh hoạt trong việc ghi bảng ở mỗi bài, nhưng cần chú ý các thông tin sau:

Tên văn bản đọc hiểu

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả và tác phẩm; thể loại, kiểu văn bản
2. Những điểm cần lưu ý khi đọc

II. Đọc hiểu văn bản

1. Nội dung của văn bản
2. Hình thức của văn bản

III. Tổng kết

1. Giá trị nội dung
2. Giá trị nghệ thuật
3. Cách đọc văn bản

b) Tiết thực hành tiếng Việt

Cần chú ý các thông tin sau:

I. Yêu cầu cần đạt

- II. Kiến thức cơ bản
- III. Thực hành

c) Tiết viết, nói và nghe

Cần chú ý các thông tin sau:

- I. Yêu cầu cần đạt
- II. Kiến thức cơ bản
- III. Thực hành

6.5. Về phân bổ thời lượng trong các bài

Như đã nêu trong phần *Cấu trúc chung của sách “Ngữ văn 8”*, tổng thời lượng cho môn Ngữ văn lớp 8 là 140 tiết / năm. Ngoài *Bài Mở đầu* 4 tiết, 8 tiết *Ôn tập và tự đánh giá (cuối học kì I và cuối học kì II)*; các bài còn lại (từ 1 đến 10) đều 12 tiết; có 8 tiết dự trữ.

Trong mỗi bài 12 tiết, thường phân bổ như sau:

STT	Nội dung dạy học	Thời lượng (tiết)
1	Đọc hiểu văn bản	4 – 5
2	Thực hành tiếng Việt	1 – 2
3	Thực hành đọc hiểu	2
4	Viết	3 – 4
5	Nói và nghe	1 – 2

Mặc dù SGK đã có gợi ý về việc phân chia thời lượng cho các nội dung học tập, nhưng nhìn chung, GV vẫn toàn quyền quyết định trong việc phân bổ thời gian cho các bài học và các phần trong mỗi bài. Có thể điều chỉnh thời lượng trên hai bình diện: các bài và các phần trong bài một cách linh hoạt và phù hợp với đối tượng, điều kiện dạy học của mỗi GV. Chẳng hạn, nếu Bài 2 thấy phần nội dung đọc hiểu hay nội dung viết có thể rút ngắn 1 – 2 tiết mà vẫn đạt được yêu cầu, mục tiêu bài học thì hoàn toàn có quyền chuyển sang nội dung phần khác, học bài khác. Các tiết bớt được sẽ thành thời lượng dự trữ và tăng thêm cho các bài cần nhiều thời gian hơn, những nội dung cần củng cố; ưu tiên thực hành rèn luyện nhiều hơn ở phần / bài đó. Dĩ nhiên, việc thêm, bớt nên trao đổi trong tổ khi thực hiện kế hoạch giáo dục trong nhà trường.

Cũng cần lưu ý về số lượng văn bản dạy đọc hiểu. Mặc dù mỗi bài SGK nêu lên 3 văn bản đọc hiểu, nhưng GV hoàn toàn có thể chỉ chọn 1 – 2 văn bản để dạy HS đọc hiểu kĩ về thể loại và kiểu văn bản ấy; không nhất thiết phải dạy tất cả 3 văn bản. Nên tập trung vào các văn bản đọc chính để HS biết cách đọc hiểu thể loại và kiểu văn bản tiêu biểu. Các văn bản còn lại chỉ cần hướng dẫn HS đọc hiểu, thậm chí để HS tự đọc ở nhà. Việc đưa nhiều văn bản cùng thể loại và kiểu văn bản nhằm cung cấp ngữ liệu cho HS với những định hướng sự phạm về cách đọc; giúp các em có văn bản để tự đọc và rèn luyện cách đọc; không yêu cầu GV dạy tất cả trên lớp theo kiểu nhồi nhét, chạy theo nội dung. Mặt khác, những văn bản có trong SGK nhưng không dạy trên lớp chính là nguồn ngữ liệu dùng để kiểm tra, đánh giá năng lực đọc của HS sau khi học bài học ấy.

6.6. Về đánh giá

Có nhiều yêu cầu về đánh giá, CT yêu cầu cần hướng dẫn cho HS mục tiêu, phương pháp và các tiêu chí đánh giá. Vì thế, SGK cần hiện thực hoá yêu cầu này. Đánh giá kết quả thường xuyên được gắn với các bài học cụ thể. Trong SGK, cuối mỗi bài học lớn có phần *Tự đánh giá* để HS sau khi học hết một bài có thể tự đánh giá xem mình có nắm được yêu cầu của bài học không; từ đó, củng cố và điều chỉnh cách học. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt và định hướng đánh giá của CT, sách nêu lên các bài đánh giá với các yêu cầu đọc hiểu và viết với các hình thức trắc nghiệm và tự luận. Trắc nghiệm để quét được nhiều đơn vị kiến thức, phù hợp với đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản; các câu tự luận (làm văn) nhằm đánh giá năng lực viết bài văn, đoạn văn. Các ngữ liệu đánh giá đọc hiểu là ngữ liệu mới, tương đương với các văn bản đã học cả về thể loại và độ khó.

Tự đánh giá cuối học kì I và học kì II, cũng theo tinh thần nêu trên, nhưng nội dung phong phú và toàn diện hơn phần *Tự đánh giá* cuối mỗi bài. Tất cả các bài đánh giá chỉ là để HS tự kiểm tra, làm ở nhà và GV tham khảo trong việc đánh giá kết quả học tập của HS.

7. Về yêu cầu tổ chức dạy học theo hoạt động

Dạy học sách *Ngữ văn 8*, dù theo thể loại nào cũng vừa khuyến khích GV sáng tạo, vừa phát huy hết năng lực sở trường của mỗi người. Tuy nhiên, để bảo đảm các yêu cầu cần đạt cơ bản, thống nhất cũng như hình thành cho HS cách học, GV cần tuân thủ một số yêu cầu tối thiểu. Định hướng chung là: Hạn chế việc GV thuyết giảng theo cách hiểu của mình; tổ chức để HS tự khám phá, tìm ra kết quả thông qua các hoạt động học tập; chú ý không chỉ hiểu nội dung mà còn nắm được cách thức, phương pháp,...

Sau đây là gợi ý về cách tổ chức dạy học một số phần lớn trong mỗi bài học.

7.1. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu

Hoạt động 1. Khởi động

Nội dung dựa vào mục 1. *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung nhiệm vụ của phần mở đầu hướng tới:

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh ảnh, bài hát,...).
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản; tìm hiểu tác phẩm và những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản theo các thể loại và kiểu văn bản.

– GV yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà của HS; nêu những từ ngữ, hình ảnh, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích; hướng dẫn cách đọc diễn cảm;...

– Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (cột bên phải văn bản) để kiểm tra việc đọc của HS. Từ đó, lưu ý HS vì sao khi đọc văn bản cần chú ý các hướng dẫn ở cột bên phải.

– Trước khi đọc hiểu văn bản, các em cần lưu ý một số điểm mà SGK đã nêu lên trong mục 1. *Chuẩn bị* (gọi 1 HS nêu hoặc đọc mục 1. *Chuẩn bị*).

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

a) SGK đã nêu các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá văn bản tác phẩm theo 3 lớp: i) hiểu; ii) phân tích, nhận xét; iii) mở rộng, nâng cao.

Các câu hỏi đầu i) thường thể hiện yêu cầu hiểu về nội dung cụ thể cũng như ấn tượng khái quát về nội dung của văn bản. Các câu hỏi ii) yêu cầu phân tích, đánh giá, hướng vào việc tìm hiểu sâu hơn nội dung và hình thức văn bản. Và các câu hỏi cuối iii) yêu cầu HS mở rộng, nâng cao bằng việc liên hệ, so sánh, gắn các vấn đề của văn bản với cuộc sống và những trải nghiệm của bản thân để hiểu văn bản và giúp HS hiểu chính bản thân mình khi đọc tác phẩm. Vì thế, GV có thể dựa vào hệ thống câu hỏi cốt lõi của SGK để tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản bằng cách thêm, bớt các câu hỏi dẫn dắt, gọi mở tùy vào đối tượng cụ thể của tiết học. Sau đây là một số gợi ý cách tổ chức và nội dung dạy học cần chú ý:

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một câu hỏi trong SGK (GV có thể chỉ định hoặc cho các nhóm bắt thăm câu hỏi chuẩn bị).

– HS làm việc theo nhóm (có thể nhóm đôi, 2 HS cùng bàn).

– Trình bày ý kiến mỗi nhóm và trao đổi, rút ra kết luận; HS tự ghi chép nội dung các câu hỏi đã trao đổi theo cách hiểu của mình sau khi nghe trao đổi.

b) SGK đã nêu lên hệ thống câu hỏi và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS. Tuy nhiên, không nên làm cho nội dung giờ học nặng (quá tải). GV cần bám sát các câu hỏi trong SGK cuối văn bản đọc để tổ chức cho HS tìm hiểu; mỗi bài đọc chính thường có 6 câu hỏi.

Hoạt động 4. Tổng kết giờ đọc hiểu

– GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS.

– GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn.

– GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý.

– Hướng dẫn đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo.

7.2. Gợi ý tổ chức dạy học phần thực hành tiếng Việt

a) Những điều cần lưu ý

– Tiếng Việt trong CT và SGK *Ngữ văn* có những thay đổi lớn: không nhằm mục đích cung cấp, trang bị lí thuyết mà chủ yếu là thực hành vận dụng; giúp cho các hoạt động đọc hiểu, viết và nói – nghe có hiệu quả hơn.

– Theo định hướng đó, sách *Ngữ văn* không trình bày bài học tiếng Việt thành lí thuyết hàn lâm mà chủ yếu tập trung yêu cầu HS làm bài tập thực hành. Một số kiến thức tiếng Việt cần trang bị và vận dụng được nêu ngay ở phần *Kiến thức ngữ văn*; nhưng chỉ để HS đọc ở nhà và khi làm bài tập trên lớp gặp các câu hỏi liên quan đến các đơn vị kiến thức ấy thì HS và GV xem lại để vận dụng giải bài tập. Cũng từ đó mà nắm được những kiến thức tiếng Việt ấy.

b) Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học

Việc tổ chức thực hành rèn luyện tiếng Việt trong mỗi bài học nhìn chung cần linh hoạt. Tùy theo mỗi GV với những bối cảnh và điều kiện khác nhau, hoạt động chính vẫn là tổ chức cho HS làm các bài tập có trong SGK. GV cũng có thể mở rộng thêm hoặc thay thế các ngữ liệu khác cho phong phú; nhưng cần bám sát yêu cầu cần đạt, bám sát các văn bản đọc hiểu trong bài học và trong sách *Ngữ văn 8* trước khi lấy rộng ra các văn bản khác.

7.3. Gợi ý tổ chức dạy học phần thực hành đọc hiểu

Thực hành đọc hiểu được tiến hành sau bài đọc hiểu chính, nhằm rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua hai văn bản đọc chính. Do thời gian và tính chất thực hành nên tiết học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản luôn, quan trọng nhất và bắt buộc là HS phải đọc văn bản. Nếu có đủ thời gian thì tiến hành các bước như dạy văn bản chính.

7.4. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học viết

a) Lưu ý

Dạy viết chủ yếu là rèn luyện kỹ năng viết. Kỹ năng viết cần được hình thành và rèn luyện dần, từ các mẫu trong SGK (các văn bản đọc hiểu chính là mẫu của yêu cầu viết) đến các yêu cầu sáng tạo khác cả về ý tưởng và cách thể hiện. Nhìn chung, về ngữ liệu, HS đã được học ở phần đọc hiểu văn bản. Phần viết được dành 3 tiết, GV tổ chức cho HS tìm hiểu định hướng và nên dành nhiều thời gian để hướng dẫn HS thực hành viết.

b) Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Định hướng

GV cho HS đọc mục 1. *Định hướng* trong SGK. Sau đó, tổ chức cho HS tìm hiểu các điểm cần chú ý khi viết, đặc biệt lưu ý mục b (Để viết được kiểu văn bản ấy, HS phải làm gì?). GV cho HS trao đổi về từng yêu cầu nhỏ trong đó.

Hoạt động 2. Thực hành

Bắt đầu từ lớp 8, mục 2. *Thực hành* có hai yêu cầu: 1) Thực hành tạo lập văn bản theo quy trình bốn bước và 2) Thực hành rèn luyện kỹ năng viết.

GV hướng dẫn HS thực hành theo quy trình bốn bước (*Chuẩn bị; Tìm ý và lập dàn ý; Viết; Kiểm tra và chỉnh sửa*) như SGK đã nêu. Trong bốn bước thì hai bước *Tìm ý và lập dàn ý, Viết* là chính, cần dành nhiều thời gian hơn. Tìm hiểu cách tìm ý và lập dàn ý, cách viết mà SGK đã gợi ý với các phần mở bài, thân bài và kết bài để hình dung và biết cách viết bài văn. Bước thực hành viết nên thực hiện linh hoạt, phụ thuộc vào kế hoạch luyện viết của 5 bài trong một học kì để xác định nhiệm vụ cho từng bài. Có thể yêu cầu HS tập trung vào hoạt động nào là chính cho mỗi bài học. Ví dụ, có thể yêu cầu viết cả bài, nếu ít thời gian có thể chỉ yêu cầu viết một phần theo dàn ý đã làm. Sau đó, HS phải thực hành kiểm tra, chỉnh sửa “sản phẩm” vừa tạo ra của mình. GV cũng có thể yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh bài viết.

Đối với mục thực hành rèn luyện kỹ năng viết, tùy vào điều kiện thời gian, GV có thể cho HS tìm hiểu yêu cầu của các kỹ năng được nêu trong bài, sau đó, làm bài tập. Nếu không có thời gian thì giao bài tập về nhà.

7.5. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học nói và nghe

a) Lưu ý

Thời lượng *Nói và nghe* ít hơn *Đọc hiểu và Viết* (CT quy định chỉ chiếm 10%). Nghĩa là mỗi bài chỉ khoảng 1 – 2 tiết. Nội dung nói và nghe lại dựa trên ngữ liệu phần *Đọc hiểu và Viết*. Vì thế, GV cho HS tìm hiểu nhanh mục 1. *Định hướng*, sau đó, chủ yếu cho HS thực hành nói và nghe.

b) Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

Phần này thường nêu hai nội dung: yêu cầu đối với người nói và yêu cầu đối với người nghe. Yêu cầu về cả nội dung nói – nghe và cả kỹ thuật nghe – nói; cả thái độ và tình cảm khi nghe và nói. Nội dung *Nói và nghe* thường gắn với *Đọc hiểu và Viết* nên ở đây phần định hướng về nội dung chỉ yêu cầu HS dựa vào đề cương đã làm ở phần học viết. GV chỉ lưu ý HS cách trình bày bằng lời (ngôn ngữ nói) khác với trình bày bằng viết (ngôn ngữ viết) như thế nào.

Hoạt động 2. Thực hành

Sau phần *Chuẩn bị*, GV yêu cầu HS thực hành trình bày nội dung đã chuẩn bị. Các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung hoặc nêu câu hỏi chất vấn.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

BÀI MỞ ĐẦU

Cũng như sách *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, sách *Ngữ văn 8* có *Bài Mở đầu*. Bài học được phân bổ thời lượng để GV hướng dẫn HS học trên lớp, nhằm nắm được những thông tin khái quát về nội dung, hình thức của sách và biết cách sử dụng sách. Các nội dung và yêu cầu của *Bài Mở đầu* trong sách *Ngữ văn 8* được trình bày có điểm khác so với sách *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*: Sách *Ngữ văn 8* chỉ nêu tên các văn bản theo thể loại chứ không nêu tóm tắt nội dung chính của mỗi văn bản. Thay vào đó, cuối mỗi mục của phần I. *Học đọc*, SGK sẽ nêu những nội dung mà HS cần chú ý khi đọc hiểu văn bản theo thể loại tương ứng.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Phần này HS đọc ở nhà; tuy nhiên, đây là mục đích cần đạt của bài học nên GV cần hiểu rõ để hiện thực hoá các nội dung của mục tiêu vào các hoạt động dạy học.

Khác với 10 bài học trong SGK, *Bài Mở đầu* chủ yếu giúp HS làm quen và nắm được các thông tin khái quát về sách *Ngữ văn 8* với các nội dung sau:

1. Những nội dung chính của sách *Ngữ văn 8*.
2. Cấu trúc của sách và các bài học trong sách *Ngữ văn 8*.
3. Cách sử dụng sách *Ngữ văn 8*

Thực chất là nhằm trả lời các câu hỏi:

– Sách *Ngữ văn 8* học những gì (Đọc, viết, nói và nghe những gì? Rèn luyện tiếng Việt ra sao?)?

– Sách *Ngữ văn 8* có cấu trúc như thế nào (Có bao nhiêu bài học? Mỗi bài học có những phần nào?...)?

– Sử dụng sách *Ngữ văn 8* như thế nào (Phần nào học ở nhà? Nội dung nào học trên lớp?)?

Là bài mở đầu, vì thế, việc tìm hiểu các nội dung trong bài học này không cần nặng nề, không cần yêu cầu HS phải giải quyết và làm hết tất cả các bài tập; nội dung trả lời cũng không nhất thiết phải đầy đủ, chính xác và trọn vẹn tất cả;... mà

cần tổ chức tìm hiểu bài học sao cho nhẹ nhàng, vui vẻ, gây được ấn tượng về môn học; tạo hứng thú cho HS.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Bài Mở đầu chưa cần đề cập đến kiến thức ngữ văn nào nên GV chưa cần yêu cầu HS lưu ý gì về các kiến thức tiếng Việt hay văn học, chỉ tập trung vào các yêu cầu đã nêu.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY *BÀI MỞ ĐẦU* (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Cách trình bày của *Bài Mở đầu* khác các bài học khác ở chỗ, sau một hoặc một số phần nội dung, sách nêu lên các câu hỏi, bài tập. Toàn bộ bài học nêu lên sáu cụm bài tập. HS làm các bài tập ấy sẽ nắm được yêu cầu và đạt được mục tiêu của bài học. Chính vì thế, GV cần nhắc nhở HS đọc và tìm hiểu bài tập ở nhà trước. Trong trường hợp HS chưa đọc và chưa chuẩn bị các bài tập này thì GV tổ chức cho HS thực hiện trên lớp luôn. *Bài Mở đầu* được thực hiện trong 4 tiết (1 tuần) nhưng không nhất thiết phải dạy cả 4 tiết (có thể chỉ 2 tiết). Việc phân chia thời gian và nội dung dạy học cần linh hoạt. Chẳng hạn, có thể phân bổ như sau:

Tiết	Nội dung
1	Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục và các nội dung lớn của cuốn sách
2	Đọc hiểu văn bản văn học: truyện, thơ, hài kịch
3	Đọc hiểu văn bản nghị luận, văn bản thông tin và rèn luyện tiếng Việt
4	Học viết, nói – nghe và tìm hiểu cấu trúc bài học

– GV tùy vào bối cảnh và điều kiện cụ thể để thực hiện các tiết học một cách linh hoạt. Ví dụ: Nếu đối tượng là HS khá, giỏi, việc tìm hiểu các nội dung bài học có thể nhanh hơn (Chỉ cần 2 tiết, thậm chí, GV có thể yêu cầu HS đọc ở nhà bài học này nhưng cần để thời gian 1 – 2 tiết để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS). Số thời gian thừa ra của *Bài Mở đầu*, GV có thể chuyển sang Bài 1 hoặc dành cho các bài có nhiều nội dung hơn, nhất là việc thực hành đọc hiểu và luyện viết.

– Về phương pháp: GV tiến hành dạy *Bài Mở đầu* hoàn toàn như dạy đọc hiểu một văn bản thông tin, nhằm giúp HS nắm được các nội dung và cấu trúc của cuốn sách *Ngữ văn 8* trước khi đi vào học các bài cụ thể.

– Về phương tiện dạy học: Tối thiểu là HS phải có SGK *Ngữ văn 8*. Ngoài ra, có thể sử dụng thêm các thiết bị như máy vi tính, máy chiếu,...

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Tiết 1: Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục và các nội dung của cuốn sách

Với tiết mở đầu, GV cần giúp HS có cái nhìn bao quát chung về cuốn sách và bài học này. Vì thế, cần tập trung vào các nội dung sau:

Nội dung 1: Giới thiệu ý nghĩa của việc tìm hiểu, làm quen với sách *Ngữ văn 8*. Tức là trả lời câu hỏi: Sách *Ngữ văn 8* có hình thức và bố cục như thế nào? Tại sao HS phải làm quen với sách này? Làm quen sẽ có tác dụng gì cho việc học tập?

Trước hết, GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ cuốn sách từ bìa đến *Lời nói đầu*, sau đó, lướt nhanh các bài học bên trong và xem phần cuối sách, nhất là *Mục lục*. Ví dụ, GV có thể cho HS tìm hiểu ý nghĩa của tranh vẽ trên bìa. Bìa sách *Ngữ văn 8*, tập một vẽ minh họa hình ảnh người mẹ đang phơi chiếc áo đỏ trên bờ gậy. Đây chính là hình ảnh nổi bật trong bài thơ *Nắng mới* của Lưu Trọng Lư – một trong các văn bản thuộc Bài 2. *Thơ sáu chữ, bảy chữ*. Bìa sách tập hai minh họa hình ảnh hai thầy trò Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa cùng chiếc cối xay gió trong tiểu thuyết nổi tiếng *Đôn Ki-hô-tê* của nhà văn Xéc-van-tét. Như thế, bìa sách *Ngữ văn 8* vừa có minh họa cho tác phẩm thơ vừa có minh họa cho tác phẩm văn xuôi; vừa có văn học Việt Nam vừa có văn học nước ngoài; tập một tập trung vào nhân vật nữ, tập hai tập trung vào nhân vật nam (để bảo đảm bình đẳng giới ngay cả trong minh họa).

Nội dung 2: Yêu cầu HS quan sát nhanh *Bài Mở đầu* và xác định bài học có những đề mục lớn, nhỏ nào. Từ bố cục ấy, yêu cầu HS nhận xét bài học này sẽ cung cấp cho người học những nội dung lớn nào. HS có thể trả lời đầy đủ hoặc không, nhưng sau tiết này, cần nhận biết được bài học này có một số nội dung lớn sau:

A. Nội dung sách *Ngữ văn 8*

I. Học đọc

1. Đọc hiểu văn bản truyện
2. Đọc hiểu văn bản thơ
3. Đọc hiểu văn bản hài kịch
4. Đọc hiểu văn bản nghị luận
5. Đọc hiểu văn bản thông tin
6. Rèn luyện tiếng Việt

II. Học viết

III. Học nói và nghe

B. Cấu trúc của sách *Ngữ văn 8*

Giới thiệu cấu trúc mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 8*

Như thế, GV cần hình dung và chia nội dung các tiết cho phù hợp. Xem xét, nghiên cứu kĩ các bài tập nêu trong *Bài Mở đầu*, sau đó, phân bổ nội dung cho 4 tiết học. Định hướng chung cho bài học này là giúp HS làm quen với sách *Ngữ văn 8*, chưa cần đi sâu và tìm hiểu kĩ về nội dung các bài học.

Tiết 2: Đọc hiểu văn bản văn học

a) Lưu ý chung: GV có thể tổ chức tiết học theo hướng sau:

– Bước 1: cho HS đọc, tìm hiểu từng phần và dừng lại trước mục bài tập (sau mục 3. *Đọc hiểu văn bản hài kịch*).

– Bước 2: tổ chức cho HS làm bài tập theo hướng: nếu mục nào bài tập nêu nhiều câu, nhiều yêu cầu thì chia nhóm để có nhiều thời gian, nhằm giải quyết hết các câu hỏi trong bài tập ấy.

– Bước 3: cho HS trao đổi và chốt lại các nội dung thông tin trong phần, mục ấy.

Các tiết tiếp theo làm tương tự cách làm ở tiết này. Tuy nhiên, GV cần lưu ý HS đọc *Bài Mở đầu* và làm bài tập trước ở nhà để trên lớp có nhiều thời gian trao đổi hơn.

b) Với tiết hướng dẫn đọc hiểu văn bản văn học: GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu từ phần *Học đọc*, bắt đầu từ *Đọc hiểu văn bản truyện* đến hết *Đọc hiểu văn bản hài kịch*. Trong ba thể loại này, truyện và thơ đều đã học ở lớp 6 và lớp 7, vì thế, các khái niệm về truyện, thơ, sách không cung cấp lại mà chỉ nêu các văn bản được học trong sách *Ngữ văn 8* và những lưu ý khi đọc hiểu theo thể loại ấy. Riêng hài kịch, GV cần giới thiệu thêm cho HS nhận biết được hình thức trình bày của văn bản hài kịch, giúp các em hiểu đây chỉ là đọc văn bản (kịch bản văn học), cách trình bày khác với văn bản thơ, truyện hoặc kí,... Đây cũng không phải là xem kịch trên sân khấu.

Nội dung chính của phần này tập trung vào bài tập nêu ở cuối mục 3. *Đọc hiểu văn bản hài kịch*: a) Sách *Ngữ văn 8* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại văn học nào? So với các sách *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*, sách *Ngữ văn 8* dạy những thể loại nào mới?; b) *Bài Mở đầu* nêu những lưu ý về yêu cầu đọc hiểu mỗi thể loại văn học nhằm mục đích gì?

Với yêu cầu a), GV có thể nêu vấn đề những thể loại lớn như *truyện*, *thơ* đều đã học ở lớp 6 nhưng ở lớp 8, có sự khác biệt về tiểu loại trong các thể loại lớn đó. Đặc biệt, sách *Ngữ văn 8* có thêm loại kịch bản văn học. GV có thể yêu cầu HS nhớ lại các thể loại văn học đã học ở lớp 6, lớp 7, sau đó, đối chiếu với các thể loại trong sách *Ngữ văn 8* để thực hiện yêu cầu này. Cụ thể, có thể thống kê, so sánh theo bảng sau:

<i>Ngữ văn 6 và Ngữ văn 7</i>	<i>Ngữ văn 8</i>
Truyện: – Truyền thuyết và cổ tích – Truyện đồng thoại – Truyện ngắn – Truyện ngụ ngôn – Truyện khoa học viễn tưởng – Tiểu thuyết	Truyện: – Truyện ngắn và tiểu thuyết – Truyện – Truyện lịch sử – Truyện cười
Thơ: – Thơ lục bát – Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả – Thơ bốn chữ, năm chữ – Thơ (tự do)	Thơ: – Thơ Đường luật – Thơ sáu chữ, bảy chữ
Kí: – Hồi kí – Du kí – Tùy bút – Tản văn	Kí: không học, thay bằng <i>kịch</i> Kịch: kịch bản văn học (hài kịch)

GV cũng có thể gọi HS kể tên các văn bản đã học ở lớp 6, 7 hoặc sẽ học ở lớp 8 thuộc mỗi thể loại nhỏ đã nêu trong bảng. Ví dụ: Ở lớp 6, truyện đồng thoại có *Đế Mên phiêu lưu kí* (Tô Hoài), thơ lục bát có *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương), hồi kí có *Trong lòng mẹ* (Nguyễn Hồng),... Ở lớp 7, truyện ngắn có *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê), tiểu thuyết có *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi),... Tương tự, có thể kể tên một số văn bản tiêu biểu cho các thể loại ở lớp 8. Từ đó, nhận thấy các thể loại đã học và thể loại mới ở sách *Ngữ văn 8*.

Với yêu cầu b), việc *Bài Mở đầu* nêu những lưu ý về yêu cầu đọc hiểu mỗi thể loại văn học nhằm một trong hai mục đích quan trọng của việc dạy đọc hiểu: i) hiểu nội dung văn bản; ii) biết cách thức đọc văn bản theo thể loại. Các lưu ý của SGK về cách đọc sau mỗi thể loại chính là nhằm mục đích thứ hai (ii).

Về cách tổ chức tiết học này, nếu HS chưa làm ở nhà, GV có thể chia ra thành ba nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu một thể loại mà câu hỏi đã nêu:

– Nhóm 1: Sách *Ngữ văn 8* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại truyện nào? So với sách *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, những tiểu loại nào mới?

– Nhóm 2: Sách *Ngữ văn 8* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại thơ nào? So với sách *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, những tiểu loại nào mới?

– Nhóm 3: Sách *Ngữ văn 8* hướng dẫn em đọc hiểu thể loại kịch bản văn học nào? Sách *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7* đã học loại văn bản này chưa?

Sau khi trao đổi xong câu a), GV cho HS tiếp tục tìm hiểu câu b) *Bài Mở đầu* nêu những lưu ý về yêu cầu đọc hiểu mỗi thể loại văn học nhằm mục đích gì?

Tiết 3: Đọc hiểu văn bản nghị luận, văn bản thông tin và rèn luyện tiếng Việt

(1) Hướng dẫn dạy phần *Đọc hiểu văn bản nghị luận, Đọc hiểu văn bản thông tin*

Cách tổ chức tiết học, thực hiện như đã nêu ở trên. GV cho HS đọc và tìm hiểu các câu hỏi. Khi đọc, lưu ý HS văn bản nghị luận và văn bản thông tin đã được học ở lớp 6, lớp 7, vì thế, ở đây chỉ giới thiệu những văn bản nghị luận và văn bản thông tin trong sách *Ngữ văn 8* và các điểm cần lưu ý về cách đọc mỗi loại văn bản ấy.

Phần bài tập của hai mục này có các yêu cầu: a) Mục *Đọc hiểu văn bản nghị luận* nêu lên những loại văn bản nào? Theo em, điểm giống nhau và khác nhau giữa các loại văn bản này là gì? Khi đọc văn bản nghị luận, cần chú ý những gì?; b) Các văn bản thông tin được học trong sách *Ngữ văn 8* gồm những loại văn bản nào? Cần lưu ý những gì về yêu cầu đọc hiểu văn bản thông tin?

Cách tiến hành tổ chức cho HS thực hiện bài tập này cũng giống như ở tiết dạy đọc hiểu văn bản văn học (truyện, thơ, hài kịch).

a) Loại văn bản nghị luận trong sách *Ngữ văn 8* gồm nghị luận xã hội trung đại, nghị luận xã hội hiện đại và nghị luận văn học: về đẹp của tác phẩm văn học (gắn với các văn bản đã học trong sách *Ngữ văn 8*).

Từ đó, HS rút ra những điểm giống và khác nhau của các văn bản nghị luận được học trong sách *Ngữ văn 8*. Ví dụ: Điểm giống nhau là các văn bản đều có chung đặc điểm của văn nghị luận (sử dụng các luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc). Điểm khác nhau là nghị luận xã hội trung đại được học các thể văn hịch, cáo, chiếu. Đây là các tác phẩm nổi tiếng trong LSVH dân tộc. Văn nghị luận hiện đại khác với nghị luận trung đại nhưng các văn bản trong bài học này đều tập trung vào chủ đề yêu nước và tự hào dân tộc.

Với nghị luận văn học, các văn bản đều tập trung viết về các tác phẩm, tác giả liên quan đến các bài đã học trong sách *Ngữ văn 8*.

HS tự nêu các điểm cần chú ý khi đọc văn bản nghị luận.

b) HS xác định các loại văn bản thông tin được học trong sách *Ngữ văn 8* theo hai bài:

– Bài 3: Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

– Bài 10: Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim.

Từ đó, nêu các yêu cầu cần chú ý về đọc hiểu loại văn bản thông tin này.

(2) Hướng dẫn dạy phần *Rèn luyện tiếng Việt*

Phần *Rèn luyện tiếng Việt* cần làm rõ hai câu hỏi:

- a) Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 8* là gì?
- b) Hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 8* có những loại cơ bản nào?

GV cho HS đọc và tìm hiểu từng câu hỏi. Trong mỗi nội dung, GV có thể chọn một vài đơn vị tiếng Việt để yêu cầu HS liên hệ với những gì đã học ở *Ngữ văn 6* hoặc *Ngữ văn 7* nhằm minh họa và nêu lên những gì HS đã biết về đơn vị ấy.

Hai câu hỏi của phần này không khó, GV hướng dẫn để HS biết tìm thông tin trong bài học và trả lời:

Nội dung câu hỏi a) đã được nêu rõ trong bảng bốn nội dung lớn học về tiếng Việt. Nội dung câu hỏi b) đã nêu rõ ở phần các loại bài tập tiếng Việt:

- Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt.

GV nhắc nhở HS:

– Khi làm bài tập trong phần *Thực hành tiếng Việt*, cần dựa vào những lưu ý về đơn vị kiến thức tiếng Việt ấy trong phần *Kiến thức ngữ văn* nêu ở đầu mỗi bài học để có hướng làm bài và hệ thống lại những hiểu biết của mình sau khi làm bài tập.

– Thực hành vận dụng kiến thức tiếng Việt trong các tiết đọc hiểu, viết, nói và nghe cũng như trong tiết học các môn học khác, trong sinh hoạt và giao tiếp với nhiều hình thức khác nhau.

Tiết 4: Dạy viết, nói – nghe và tìm hiểu cấu trúc sách

(1) Hướng dẫn dạy phần *Học viết*

Cách dạy phần này cũng giống như các phần trên. GV cho HS đọc, tìm hiểu nội dung từng mục, sau đó trả lời câu hỏi nêu cuối phần *Học viết*:

- a) Sách *Ngữ văn 8* rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?
- b) Những yêu cầu về quy trình và kĩ năng viết các kiểu văn bản có gì giống và khác so với sách *Ngữ văn 7*?

Hai câu hỏi đều không khó, chỉ cần HS tìm, quan sát trong mỗi mục là có thể trả lời được. Ví dụ:

Với câu hỏi a), nội dung này đã được bài học nêu rất rõ ở bảng trong SGK (trang 9), GV lưu ý HS đọc nội dung cụ thể (cột bên phải) gắn với mỗi kiểu văn bản tương ứng (cột bên trái).

Tuy SGK *Ngữ văn 8* không nêu mối quan hệ giữa các kiểu văn bản luyện viết và các loại văn bản trong đọc hiểu nhưng GV cần cho HS tìm hiểu về mối quan hệ hai kiểu văn bản (tự sự, biểu cảm) tương ứng với loại văn bản văn học (truyện, thơ, kịch,...); nghĩa là văn bản văn học thường sử dụng các phương thức tự sự, miêu tả và biểu cảm. HS cần vận dụng những hiểu biết này vào đọc hiểu cũng như khi viết bài.

Với câu hỏi b), GV yêu cầu HS đọc phần *Học viết*, từ đó, liên hệ với những gì mình đã học ở lớp 6, lớp 7 để xác định quy trình và kỹ năng nào tiếp tục được rèn luyện ở sách *Ngữ văn 8*, những nội dung yêu cầu nào khác với các lớp dưới, nhất là các cách tìm ý mới và một số kỹ năng viết cụ thể.

(2) Hướng dẫn dạy phần *Học nói và nghe*

Cách dạy tiến hành giống như dạy phần kỹ năng viết đã trình bày ở trên. GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu để nắm được các nội dung chính của mỗi mục. Sau đó, làm bài tập bằng cách trả lời các câu hỏi ở cuối phần *Học nói và nghe*:

a) Các nội dung rèn luyện kỹ năng nói và nghe là gì?

b) So với các yêu cầu cụ thể về nội dung rèn luyện kỹ năng nói và nghe, em còn những hạn chế nào?

Cả hai câu hỏi này đều không khó, đều đã nêu rõ ở bài học. Tuy nhiên, câu a), GV cần giải thích cho HS nói nghe tương tác là thế nào; làm rõ các hành động nói và nghe có thể độc lập (một mình nói và một mình nghe); còn nói nghe tương tác là giao tiếp có đi có lại, trao đổi bằng các lượt lời như thảo luận, tranh luận, trao đổi ý kiến,...; câu b) HS tự liên hệ với bản thân để rút kinh nghiệm về các yêu cầu mình còn hạn chế.

(3) Hướng dẫn dạy phần *Cấu trúc của sách “Ngữ văn 8”*

Phần này đã được trình bày bằng bảng trong SGK (trang 11), nêu rõ các phần lớn của mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 8*. Vì thế, GV chỉ cần cho HS quan sát và trả lời câu hỏi đã nêu trong bài tập:

a) Mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 8* có những phần chính nào? Những nhiệm vụ mà các em cần làm ở lớp và ở nhà là gì?

b) Theo em, tại sao cần biết cấu trúc sách trước khi học?

GV cần để HS trao đổi và phát biểu theo nhận thức của mỗi HS; thực chất là phân tích tác dụng của việc nắm vững cấu trúc bài học.

Với các HS khá, giỏi, GV có thể nêu thêm yêu cầu: Đọc toàn bộ *Bài Mở đầu* để nắm được các nội dung lớn của bài học; sau đó, trình bày các nội dung ấy bằng một sơ đồ tư duy. Bài tập này có thể giao cho HS làm ở nhà.

Bài 1

TRUYỆN NGẮN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

– Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ,...) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện,...) của truyện ngắn.

Đây là yêu cầu cho hoạt động đọc hiểu văn bản. Khi soạn kế hoạch bài dạy và hướng dẫn HS đọc, GV cần cụ thể hoá yêu cầu ấy gắn với các văn bản truyện ngắn. Ví dụ: Các yếu tố hình thức và nội dung nêu trên được thể hiện cụ thể trong mỗi văn bản đọc hiểu ở bài này như thế nào? Tham khảo phần *Kiến thức ngữ văn* của bài này để vận dụng vào từng văn bản đọc hiểu.

– Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

Đây là yêu cầu về tiếng Việt. Yêu cầu này được thực hiện ở tiết học dành riêng cho nội dung tiếng Việt và cả khi dạy các kĩ năng đọc hiểu, viết, nghe, nói với mục đích tích hợp.

– Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội đã đề tài cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.

Đây là yêu cầu cho hoạt động viết với nội dung tập trung viết kiểu văn bản biểu cảm.

– Biết trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

Đây là yêu cầu cho hoạt động nói và nghe.

2. Góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung

Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được hình thành và phát triển thông qua các năng lực môn học; gắn với nội dung cụ thể của bài học. Các văn bản đọc hiểu về truyện ngắn trong bài này gồm *Tôi đi học* (Thanh Tịnh), *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam), *Người mẹ vườn cau* (Nguyễn Ngọc Tư), *Chuối hạt cườm màu xám* (Đỗ Bích Thủy) đều tập trung đề cao những kỉ ức, tình cảm trong sáng, ngợi ca

những tâm lòng thơm thảo, nặng nghĩa nặng tình,... Vì thế, chỉ cần dạy tốt phần đọc hiểu văn bản là đã góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung này.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Phần này HS đọc ở nhà. Tuy vậy, trong quá trình dạy đọc hiểu văn bản, GV cần hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các kiến thức ngữ văn đã có trong SGK với một số lưu ý:

– Các kiến thức về truyện ngắn (đối tượng phân ánh, tình huống, sự kiện, kết cấu, chi tiết, cốt truyện,...) sẽ được làm sáng tỏ qua những văn bản ở các tiết đọc hiểu truyện trong Bài 1 này. Ngoài ra, SGK cung cấp thêm khái niệm tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm văn học, nhan đề và cách đặt nhan đề của văn bản văn học để HS hiểu thêm những đặc trưng và yêu cầu của việc đọc tác phẩm văn học. Cần lưu ý đây là kiến thức cho HS lớp 8 nên chỉ dừng lại ở cách hiểu chung, cơ bản, đơn giản,...; không nên “nhồi nhét” thêm cho HS những nội dung cao hơn, sâu hơn về các đơn vị kiến thức này theo hiểu biết và trình độ của GV.

– Những kiến thức tiếng Việt về trợ từ, thán từ vừa được thực hành vận dụng trong tiết đọc hiểu vừa có một tiết cho nội dung luyện tập riêng. Ở tiết tiếng Việt, GV không dạy lí thuyết mà chỉ thông qua thực hành làm các bài tập. HS cần đọc và dựa vào các kiến thức về trợ từ, thán từ nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn* để làm các bài tập được tích hợp trong phần đọc hiểu, giúp củng cố và hiểu sâu hơn những kiến thức ấy.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

Văn bản 1

Tôi đi học

(THANH TỊNH)

1. Lưu ý

– Truyện ngắn trong bài học này được tuyển chọn theo một mô hình truyện viết về những câu chuyện giản dị, đời thường nhưng rất sâu sắc, giàu chất thơ. Các truyện trong Bài 1 man mác như một bài thơ, đó là các truyện ngắn đậm chất trữ tình,...

Vì thế, khi dạy bài này, GV cần chú ý hai yêu cầu quan trọng của tiết đọc hiểu: một là giúp HS tìm hiểu và nhận biết vẻ đẹp về nội dung, nghệ thuật cụ thể của các văn bản truyện được học trong bài này (*Tôi đi học*, *Gió lạnh đầu mùa*, *Người mẹ*

vuồn cau, Chuối hạt cườm màu xám); hai là biết cách đọc hiểu một truyện ngắn trữ tình dựa vào một số đặc điểm thể loại nổi bật. Cụ thể là:

+ Những yếu tố của văn bản cho thấy tính chất trữ tình.

+ Qua việc tóm tắt nội dung văn bản, làm rõ tính chất đời thường, đơn giản, dường như không có chuyện, sự kiện gì đặc biệt, không có xung đột gì lớn giữa các nhân vật (thường gọi là phi cốt truyện).

+ Nhân vật chủ yếu được khắc hoạ, thể hiện qua tâm trạng.

+ Ngôn ngữ kể chuyện đậm chất thơ.

Để tìm hiểu thêm về thể loại truyện ngắn trữ tình, GV có thể truy cập Internet, đọc, tham khảo và ghi chép lại các thông tin cần thiết. GV lựa chọn những tư liệu có nguồn đáng tin cậy để đọc và thu thập thông tin có ích cho bài dạy này, đồng thời, hướng dẫn HS cách tìm các tư liệu ấy. Tuy nhiên, cần lưu ý không quá đi sâu về nội dung này để phù hợp với đối tượng HS lớp 8.

– Truyện ngắn *Tôi đi học* (Thanh Tịnh) và *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam) là hai truyện ngắn nổi tiếng, đã có trong CT cũng như SGK nhiều lần và trở nên hết sức quen thuộc với GV Ngữ văn. Thanh Tịnh và Thạch Lam cũng là hai tác giả tiêu biểu cho dòng văn xuôi trữ tình đầu thế kỉ XX cùng với một số nhà văn khác như Hồ Dzếnh (*Chân trời cũ*), Xuân Diệu (*Phấn thông vàng*),... Nội dung truyện ngắn *Tôi đi học* ghi lại tâm tư, tình cảm của nhân vật “tôi” khi nhớ lại “những kỉ niệm mơ màng của buổi tựu trường”. Nội dung truyện *Gió lạnh đầu mùa* kể lại câu chuyện giản đơn: chị em Sơn cho bạn tắm áo cũ và cách ứng xử đầy tế nhị, ân tình của những người mẹ. GV cần đọc thêm một số truyện ngắn dạng này và tìm hiểu thêm về tác giả qua các phương tiện khác nhau, thuận tiện nhất là qua Internet. Việc vào các nguồn tài nguyên để tìm hiểu tư liệu không chỉ nhằm thu thập các thông tin phục vụ trực tiếp cho bài giảng mà từ đó còn giúp GV biết cách để hướng dẫn HS truy cập, thu thập, phân tích, phân loại, lựa chọn và đánh giá các thông tin thu được.

– Nguyễn Ngọc Tư, một nhà văn Nam Bộ có nhiều truyện ngắn, tản văn rất đặc sắc về mảnh đất phương Nam đầy nắng gió với những con người chân chất, hiền lành mà nặng nghĩa nặng tình. Truyện *Người mẹ vuồn cau* của Nguyễn Ngọc Tư cũng là một truyện dường như không có cốt truyện, nội dung rất giản dị, đời thường mà sâu thẳm nghĩa tình. Cũng trong bài học này, HS được đọc truyện *Chuối hạt cườm màu xám* của nữ nhà văn quân đội Đỗ Bích Thủy, một cây bút chuyên viết về miền núi phía Bắc. Đây cũng là một truyện ngắn không có sự kiện, xung đột gì lớn nhưng chứa đựng một nội dung, tình cảm đầy tính nhân văn. Cách xây dựng tình huống truyện của nhà văn cũng rất hấp dẫn, bất ngờ.

– Có thể thấy, bài học này xoay quanh các đề tài gần gũi với tuổi học trò, đều là những truyện ngắn giản dị mà giàu ý nghĩa nhân văn.

– Bài học trong SGK được thiết kế theo hướng tích hợp và có nội dung khá lớn.

– Thời lượng mỗi bài là 12 tiết, trong đó, phần *Đọc hiểu* bài này là 6 – 7 tiết, 1 tiết *Thực hành tiếng Việt*. GV cần vận dụng linh hoạt, tùy vào đối tượng HS lớp mình dạy để phân bổ thời gian một cách hợp lý giữa các bài đọc hiểu chính (*Tôi đi học*, *Gió lạnh đầu mùa*) và bài thực hành đọc hiểu (*Người mẹ vườn cau*); phần *Tự đánh giá* có truyện của Đỗ Bích Thủy, HS tự thực hành đọc. Nếu dành nhiều thời gian cho tiết đọc hiểu chính thì bớt giờ ở tiết thực hành đọc hiểu và ngược lại.

– Để tổ chức các hoạt động dạy đọc hiểu cho văn bản *Tôi đi học*, GV cần chú ý dẫn HS chuẩn bị bài trước theo hướng dẫn trong SGK như:

+ Đọc văn bản *Tôi đi học ở nhà*.

+ Đọc phần *Yêu cầu cần đạt* và *Kiến thức ngữ văn*.

+ Đọc và tìm hiểu các nội dung nêu ở mục 1. *Chuẩn bị*.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Khởi động

Dựa vào mục 1. *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung, nhiệm vụ của hoạt động khởi động hướng tới:

– Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh ảnh, bài hát,...).

– Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).

– Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Với bài này, GV có thể tham khảo cách khởi động bài học như sau:

– Cách 1: GV nêu câu hỏi: “Em nào đã đọc văn bản *Tôi đi học* trong SGK? Truyện kể về ai, về sự kiện gì? Ấn tượng rõ nhất của em sau khi đọc truyện là gì? Vì sao?”.

+ GV gọi một số HS trả lời. Nội dung trả lời có thể khác nhau nhưng GV cần chốt lại ý chính như sau: “Truyện *Tôi đi học* viết về câu chuyện rất giản dị, gần gũi với tất cả mọi người: nhớ về ngày đầu tiên đến trường. Ấn tượng rõ nhất là truyện không có nhiều nhân vật, câu chuyện cũng không có sự kiện, xung đột gì to tát, căng thẳng nhưng làm người đọc băng khuâng, da diết...”.

+ GV dẫn dắt vào bài: “Để làm rõ ấn tượng ban đầu ấy, chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung và khám phá những điều thú vị trong văn bản *Tôi đi học* của nhà văn Thanh Tịnh.”.

– Cách 2: GV nêu câu hỏi: “Các em đã từng đọc những truyện ngắn viết về các câu chuyện rất giản dị, đời thường mà chứa đựng nhiều tình cảm sâu nặng chưa? Hãy nhớ lại và kể tên một truyện mà em đã đọc.”

+ HS phát biểu, trả lời.

+ GV dẫn dắt vào bài: “Thế giới truyện ngắn rất phong phú, đa dạng. Có truyện ngắn khai thác cốt truyện kì lạ; lại có truyện ngắn viết về câu chuyện giản dị, đời thường; có truyện ngắn giàu tính triết lí, trào phúng, châm biếm, hài hước; lại có truyện ngắn rất giàu chất thơ. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một trong những loại truyện ngắn ấy: Truyện *Tôi đi học* của nhà văn Thanh Tịnh.”

– Cách 3: GV chiếu trên màn hình hoặc treo tranh, ảnh lớn về cảnh ngày khai trường và nêu vấn đề: “Đã có lần nào em nhớ lại ngày khai trường đầu tiên của mình? Tình cảm của em như thế nào khi nhớ lại ngày ấy?”. Từ các câu trả lời của HS, GV dẫn vào bài học: “Có một nhà văn khi nhớ về ngày đầu tiên đến trường đã ghi lại những cảm xúc thật sâu đậm bằng một truyện ngắn thật hay và thấm thía. Đó là nhà văn Thanh Tịnh với truyện ngắn *Tôi đi học*. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu truyện ngắn ấy.”

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản; tìm hiểu tác phẩm và những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản *Tôi đi học*.

– GV yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà của HS bằng cách nêu nhiệm vụ:

+ Tóm tắt nội dung văn bản để rút ra nhận xét về đặc điểm cốt truyện như đã nêu ở trên.

+ Nêu những từ ngữ, hình ảnh,... khó, cần chú ý và giải thích.

+ Đọc diễn cảm một số đoạn văn.

– GV cũng có thể dựa vào một số câu gợi ý ở cột bên phải văn bản để kiểm tra việc đọc của HS. Ví dụ: “Những hình ảnh nào gợi nổi nhớ cho nhân vật “tôi”? Phần (2) kể về chuyện gì?;...”. Từ đó, lưu ý HS vì sao khi đọc, cần chú ý các gợi ý ở cột bên phải.

– GV: Trước khi đọc hiểu văn bản, các em cần lưu ý những gì về cách đọc truyện ngắn mà SGK đã nêu lên trong mục 1. *Chuẩn bị?* (Gọi 1 HS nêu hoặc đọc mục này).

– HS nêu câu trả lời.

– GV chốt lại những điểm cần lưu ý khi đọc truyện ngắn:

+ Qua việc tóm tắt nội dung văn bản, em rút ra được đặc điểm gì về cốt truyện của văn bản *Tôi đi học* (Truyện kể lại sự việc gì? Sự việc ấy xảy ra trong bối cảnh nào? Cốt truyện có gì đặc biệt...)?

+ Nhân vật chính là ai? Nhân vật ấy được nhà văn miêu tả ở những phương diện nào (ngoại hình, lời nói, hành động, tâm trạng và mối quan hệ với các nhân vật khác,...)?

+ Ngôn ngữ kể chuyện (trần thuật) có gì đặc sắc?

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

GV tổ chức cho HS tìm hiểu các câu hỏi cuối văn bản bằng những hình thức, hoạt động khác nhau (phiếu học tập, trò chơi, hoạt cảnh,...), có thể chia nhóm và phân công các nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS. Dưới đây là hệ thống câu hỏi trong SGK và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Theo em, cốt truyện <i>Tôi đi học</i> thuộc dạng nào dưới đây? A. Kể lại sự việc khác thường, kì lạ B. Kể lại sự việc giản dị, đời thường mà giàu chất thơ C. Kể lại sự việc có nội dung trào phúng, châm biếm, hài hước D. Kể lại sự việc có nội dung giàu tính triết lí	HS trả lời, chọn một trong bốn phương án đã cho. Phương án đúng: B.
Câu 2. Cảnh vật trong truyện được nhìn qua con mắt của ai và được nhớ lại theo trình tự nào? Nêu một số chi tiết nổi bật của cảnh vật trong phần (1).	– Cảnh vật trong truyện được nhìn qua con mắt của nhân vật “tôi” – người trong cuộc và được nhớ lại theo trình tự thời gian. – Có thể nêu ra một số chi tiết nổi bật của cảnh vật trong phần (1) như: + Các chi tiết miêu tả không gian và thời gian buổi đầu tiên đi học: “Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, [...] tự nhiên thấy lạ.” + Các chi tiết miêu tả cảnh HS đến trường: “Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. [...] Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.”

Câu 3. Phân tích sự thay đổi tâm trạng của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên tới lớp. Chỉ ra tác dụng của một số câu văn miêu tả và hình ảnh so sánh trong việc khắc hoạ tâm trạng nhân vật.	– Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đến lớp diễn ra theo trình tự sau: Ban đầu là băng khoăn, phần chân đi bên mẹ trên con đường đến trường chuyển sang bối ngỡ, rụt rè “đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ”, “như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”. Tiếp đến là cảm thấy lúng túng, vụng về “thấy mình chơ vơ là lúc này”. Sau đó, giật mình khi nghe gọi đến tên. Cuối cùng là bật khóc: “Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo.”. – Chỉ ra tác dụng của một số câu văn miêu tả và hình ảnh so sánh. Ví dụ, các so sánh trong hai câu sau đã diễn tả được cảm giác ngập ngừng, e sợ, hồi hộp đến căng thẳng của những cậu bé trong buổi đầu tiên đến trường: + “Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.” + “Trong lúc ông đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập.”
Câu 4. Truyện ngắn <i>Tôi đi học</i> là một truyện ngắn giàu chất thơ. Theo em, điều gì tạo nên đặc điểm ấy (về nội dung, hình thức, ngôn ngữ)?	Chất thơ là đặc điểm khá nổi trội của truyện ngắn này. Đặc điểm ấy được tạo nên từ nội dung và hình thức của văn bản. – Về nội dung: Tác giả tập trung miêu tả những cảm xúc và diễn biến tâm trạng vừa vui mừng, phần chân vừa ngỡ ngàng, lo sợ,... của nhân vật “tôi” trong buổi đầu tiên đến trường một cách chân thực và cảm động. – Về hình thức: Cốt truyện rất đơn giản, nhẹ nhàng; ngôn ngữ miêu tả (tả cảnh vật và tâm trạng) tinh tế, giàu hình ảnh sinh động với nhiều biện pháp tu từ, nhất là ví von, so sánh (GV cần dẫn ra các ví dụ cụ thể).
Câu 5. Văn bản <i>Tôi đi học</i> đã nói giúp những suy nghĩ và tình cảm gì của rất nhiều người đọc? Điều đó còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay như thế nào?	– Câu chuyện ghi lại cảm xúc của buổi đầu tiên đến trường – buổi học mà hầu hết mọi người đã từng trải qua, vì thế nói hộ được suy nghĩ, tình cảm và tâm trạng của rất nhiều người đọc. – Những cảm xúc, suy nghĩ và tình cảm trong sáng, chân thực ấy vẫn có trong mỗi HS hôm nay. Với người lớn, dù đã trưởng thành nhưng mỗi khi nhớ về ngày đầu tiên đến trường của mình vẫn đồng cảm với những gì nhà văn Thanh Tịnh mô tả trong truyện <i>Tôi đi học</i>. Nhà văn đã nói giúp mọi người những suy nghĩ, tình cảm ấy.